

THPT CHU VĂN AN

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

LỚP 10A5

NĂM HỌC: 2024-2025

THPT CHU VĂN AN

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
THPT CHU VĂN AN

Xã (phường, thị trấn): Thị trấn Cần Đức

Huyện (quận, TX, TP thuộc tỉnh): Huyện Cần Đức

Tỉnh(thành phố): Tỉnh Long An

Lớp 10A5 Năm học: 2024-2025

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hiệu trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Trường An

Nguyễn Minh Triều

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

1. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) được quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.
2. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) do nhà trường quản lý và sử dụng.
3. Giáo viên môn học trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) đầy đủ các thông tin cần thiết của môn học do giáo viên phụ trách, khớp với các thông tin trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (của giáo viên), kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học. Trường hợp có nhiều giáo viên cùng tham gia dạy học thì các giáo viên môn học cùng kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học.

Giáo viên chủ nhiệm trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) những thông tin thuộc nhiệm vụ quy định cho giáo viên chủ nhiệm lớp.

4. Không ghi bằng mực đỏ (trừ trường hợp sửa chữa), các loại mực có thể tẩy xóa được; việc ghi Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) phải cập nhật đúng tiến độ thời gian theo kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn và bảo quản, giữ gìn cẩn thận, sạch sẽ.
5. Khi sửa chữa dùng bút đỏ gạch ngang nội dung cũ, ghi nội dung mới vào phía trên bên phải vị trí ghi nội dung cũ, ký xác nhận về sự sửa chữa ở ngay cạnh hoặc ở cột Ghi chú.
6. Nhà trường, giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên môn học chỉ cung cấp các thông tin về kết quả rèn luyện và học tập của học sinh trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) cho riêng từng học sinh hoặc cha mẹ học sinh.

SƠ YẾU LÝ LỊCH HỌC SINH

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Nam/ Nữ	Đối tượng ưu tiên	Địa chỉ gia đình
1	Hồ Gia Bảo	16/09/2009	Bệnh viện Hùng Vương - TP Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 1 xã Phước Đông huyện Cần Đức tỉnh Long An
2	Nguyễn Huy Quốc Bảo	28/06/2009	Khoa sản bệnh viện 7A Tp.Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 4 Xã Phước Đông huyện Cần Đức Tỉnh Long An
3	Nguyễn Thành Danh	05/03/2009	Bệnh viện Từ Dũ, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Cầu Xây xã Tân Lâm huyện Cần Đức
4	Đỗ Thành Đạt	22/04/2009	Bệnh Viện Cần Đức	Kinh	Nam		Ấp 4 , Xã Tân Ân, Huyện Cần Đức, Long An
5	Nguyễn Đăng Anh Hào	14/06/2009	Trung tâm y tế huyện Phú Tân, An Giang	Kinh	Nam		Ấp 6, Xã Tân Ân, Huyện Cần Đức, Long An
6	Cao Nhã Hân	18/05/2009	BV Đa Khoa huyện Cần Đức tỉnh Long An	Kinh	Nữ		Ấp 2 xã Phước Đông huyện Cần Đức tỉnh Long An
7	Vô Công Hậu	16/10/2009	Bệnh viện Cần Đức	Kinh	Nam		Ấp Xóm Chùa Xã Tân Lâm Huyện Cần Đức
8	Lâm Hoàng Gia Huy	31/07/2009	Bệnh viện Hùng Vương, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Vạn Phước, xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đức, tỉnh Long An.
9	Phạm Ngọc Thu Hương	16/10/2009	Bệnh viện Cần Đức	Kinh	Nữ		ấp 1, Phước Đông, Cần Đức, Long An
10	Vô Hoàng Khang	21/12/2009	Bệnh viện Hùng Vương - TP Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 3 xã Phước Đông huyện Cần Đức Tỉnh Long An
11	Nguyễn Hữu Khang	27/12/2009	BV Long An	Kinh	Nam		Khu 5, Thị trấn Cần Đức, Huyện Cần Đức, Long An
12	Phan Tuấn Khang	13/08/2009	BV tỉnh Ninh Thuận	Kinh	Nam		Ấp Tân Mỹ Xã Mỹ Lệ Huyện Cần Đức
13	Trần Thị Quỳnh Mai	08/06/2009	Bệnh viện đa khoa huyện Cần Đức tỉnh Long An	Kinh	Nữ		Ấp 5 , Xã Tân Ân, Huyện Cần Đức, Long An
14	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	16/12/2009	Thành Phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp Thuận Nam, Xã Thuận Thành, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An
15	Nguyễn Thành Nghĩa	12/09/2009	Bệnh viện Cần Đức	Kinh	Nam		Ấp 2, Phước Tuy
16	Lê Bảo Ngọc	30/08/2009	bệnh viện Cần Đức	Kinh	Nữ		Ấp 6- Phước Tuy
17	Quách Thị Bảo Ngọc	23/04/2009	BV Từ Dũ- TP. HCM	Kinh	Nữ		105
18	Phan Nguyễn Kim Ngọc	07/08/2009	Bệnh Viện Đa Khoa Cần Đức	Kinh	Nữ		Ấp 6 , Xã Tân Ân, Huyện Cần Đức, Long An
19	Nguyễn Thị Yến Nhi	09/05/2009	Bệnh viện Đa Khoa Cần Đức.	Kinh	Nữ		Ấp 7, xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An.
20	Vô Thị Huỳnh Như	04/02/2009	Bệnh viện Hùng Vương, TPHCM	Kinh	Nữ		Ấp 5, Xã Tân Ân, Huyện Cần Đức
21	Nguyễn Hoàng An Nhựt	18/07/2009	Bệnh Viện đa khoa Gò Công	Kinh	Nam		Ấp 4 xã Phước Đông huyện Cần Đức tỉnh Long An
22	Nguyễn Thành Phát	26/08/2009	Bệnh viện Từ Dũ, TPHCM	Kinh	Nam		Ấp 5, Xã Tân Ân, Huyện Cần Đức
23	Trần Tiến Phát	03/01/2009	Bệnh viện Đa khoa Cần Đức - Long An	Kinh	Nam		Ấp Đông Trung - Tân Chánh - Cần Đức - Long An
24	Nguyễn Hoàng Phúc	10/06/2009	Bệnh viện Từ Dũ, TP HCM	Kinh	Nam		Khu 6, Thị Trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An
25	Mai Thanh Phương	03/10/2009	Phụ sản An Đông, Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Khu 4, thị trấn Cần Đức, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
26	Lê Thanh Quy	03/03/2009	Bệnh viện Đa khoa Cần Đức - Long An	Kinh	Nam		Ấp Đông Nhi - Tân Chánh - Cần Đức - Long An
27	Hồ Thị Hồng Quyên	02/09/2009	Bệnh viện Hùng Vương, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 6, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
28	Huỳnh Thị Thủy Quyên	13/01/2009	bệnh viện Cần Đức	Kinh	Nữ		Ấp 7, Xã Tân Ân, Huyện Cần Đức, Tỉnh Long An
29	Nguyễn Phan Nhã Quỳnh	01/10/2009	Bệnh viện Hùng Vương - TPHCM	Kinh	Nữ		Ấp Nhà Trường Xã Tân Lâm Huyện Cần Đức tỉnh Long An
30	Nguyễn Quốc Thái	27/06/2009	Bệnh viện Từ Dũ	Kinh	Nam		Ấp Ao Gòn Xã Tân Lâm Huyện Cần Đức
31	Nguyễn Đạt Thành	16/05/2009	Bệnh viện Từ Dũ- TP. Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 7 xã Phước Tuy
32	Vân Thị Hồng Thắm	08/11/2009	BV Đa khoa huyện Cần Giuộc tỉnh Long An	Kinh	Nữ		Ấp Tân Mỹ Xã Mỹ Lệ Huyện Cần Đức
33	Tô Nguyễn Hữu Thoại	11/03/2009	Cần Đức, Long An	Kinh	Nam		khu 2
34	La Hoàng Anh Thư	14/01/2009	Cần Đức, Long An	Kinh	Nữ		khu 5.TT Cần Đức
35	Trần Phạm Phương Trang	06/10/2009	Bệnh viện Cần Đức	Kinh	Nữ		Ấp 3, Phước Tuy
36	Thái Thị Bích Trâm	06/10/2009	Huyện Cần Đức, Long An	Kinh	Nữ		Ấp 5 xã Phước Tuy huyện Cần Đức
37	Nguyễn Võ Ngọc Trân	08/01/2009	Bệnh viện Từ Dũ Tp.HCM	Kinh	Nữ		
38	Nguyễn Minh Trí	12/03/2009	bệnh viện Hùng Vương	Kinh	Nam		ấp 4-Phước Tuy
39	Nguyễn Thành Trí	19/06/2009	Long An	Kinh	Nam		ấp 5, phước tuy, Cần Đức
40	Nguyễn Đăng Thiên Trí	06/03/2009	Bệnh viện Huyện Bình Chánh	Kinh	Nam		Ấp Bình Hòa Xã Tân Lâm Huyện Cần Đức
41	Nguyễn Thị Huyền Trinh	17/05/2009	Bệnh viện Đa khoa Cần Đức	Kinh	Nữ		Ấp 2A, Xã Tân Ân, Huyện Cần Đức
42	Huỳnh Ngọc Hữu Trọng	24/03/2009	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	Kinh	Nam		Ấp Bà Chú Xã Tân Lâm Huyện Cần Đức
43	Lê Thị Cẩm Tú	15/11/2009	Bệnh Viện Đa Khoa huyện Cần Đức, tỉnh Long An	Kinh	Nữ		Ấp 1 xã Phước Đông huyện Cần Đức tỉnh Long An
44	Nguyễn Hoàng Tuấn	20/12/2009	Huyện Tân Hồng, Đồng Tháp	Kinh	Nam		ấp 1

Số TT	Họ và tên cha, nghề nghiệp, điện thoại, email (hoặc người giám hộ)	Họ và tên mẹ, nghề nghiệp, điện thoại, email (hoặc người giám hộ)	Những thay đổi cần chú ý trong năm học (gia đình, sức khỏe, nơi ở ...)
1	Hồ Minh Tâm - Công nhân	Huỳnh Thị Tố Nga - Công Nhân	
2	Nguyễn Thanh Tuấn - Tài xế	Nguyễn Thị Hồng Nhung - Nội trợ	
3	Nguyễn Minh Thành - Công nhân	Châu Thị Thơm - Đã mất	
4	Đỗ Thanh Long - Công nhân	Nguyễn Thị Thùy Dương - Công nhân	
5	Nguyễn Đăng Hoàng Chương - Thợ điện	Lê Thị Kim Châu - Công nhân	
6	Cao Thành Vinh - Thợ hồ	Trần Thị Ngọc Hương - Công nhân	
7	Võ Thành Sang - Lâm hồ	Phạm Thị Phương - Công nhân	
8	Lâm Phát Tài - Thợ cửa sắt	Phạm Thị Bạch Vân - CNV	
9	Phạm Ngọc Chữ - bảo vệ	Ngô Thị Kim Thanh - Công nhân	
10	Võ Hoàng Minh - Thợ hồ	Đỗ Thị Anh Đào - Công nhân	
11	Nguyễn Hữu Lợi - buôn bán	Nguyễn Thị Kim Loan - Nội trợ	
12	Phan Thanh Tuấn - Thợ mộc	Đặng Cửu Hà - Công nhân	
13	Trần Văn Trung - Lao động tự do	Trần Thị Đức - Thợ may	
14	Nguyễn Việt Hùng - công nhân	Phạm Thị Thảo Trang - buôn bán	
15	Nguyễn Văn Thành - Nông dân	Lê Thị Chính - buôn bán	
16	Lê Công Thanh - Lâm vườn	Trương Thị Nga - làm rẫy	
17	Quánh Hoàn Vũ -	Đỗ Thị Ngọc Hạnh - Lao động tự do	
18	Phan Văn Yên - Công nhân	Nguyễn Thị Thìn - Công nhân	
19	Nguyễn Văn Lộc - Công nhân	Nguyễn Thị Ngọc Hoàng - Công nhân	
20	Võ Thanh Tú - Làm ruộng	Phạm Xuân Hồng - Công nhân	
21	Nguyễn Hoàng An - Thợ máy	Ngô Thị Cẩm - Nội trợ	
22	Nguyễn Hoàng Thành - Tài xế	Nguyễn Thị Thu Thủy - Buôn bán	
23	Trần Văn O -	Phạm Thị Kim Thanh -	
24	Nguyễn Văn Tám - Buôn bán	Huỳnh Thị Thu Vân - Buôn bán	
25	Mai Đình Chiến - Thợ Cưa	Mai Thị Thu Trúc - Công nhân	
26	Lê Tuấn Thanh -	Nguyễn Ngọc Thanh -	
27	Hồ Minh Hùng - Lâm hồ	Trần Thị Hồng Diễm - Công nhân	
28	Huỳnh Thanh Sơn - làm thuê	Lê Ngọc Huyền Trân - Nội Trợ	
29	Nguyễn Phương - Công nhân	Phan Thị Châu Trinh - Công nhân	
30	Nguyễn Ngọc Long - Làm ruộng	Nguyễn Thị Bích Huyền - Công nhân	
31	Nguyễn Tấn Hiệp - Làm ruộng	Trần Cẩm Thúy - Nội trợ	
32	Văn Công Tấn Thành - Tài xế	Phạm Thị Hồng Phúc - Nội trợ	
33	Tô Văn Xa - Công nhân viên	Nguyễn Thị Kim Em - Buôn bán	
34	La Thanh Phong - Buôn bán	Nguyễn Thị Thu Lan - Thợ may	
35	Trần Ngọc Tuấn - tài xế	Phạm thị Bông - Nội trợ	
36	Thái Văn Đạt - Công nhân	Nguyễn Thị Bích Hà - Công nhân	
37	Nguyễn Trường Hải - Tài xế	Võ Thị Ngọc Vẹn - Buôn bán	
38	Nguyễn Văn Tùng -	Lê Thị Hồng Nga - Công nhân	
39	Nguyễn Tấn Tài - Kinh doanh	Phan Thị Hồng Ngân -	
40	Nguyễn Thanh Hải - Buôn bán	Đặng Thị Hòa - Làm ruộng	
41	Nguyễn Văn Lợi - công nhân	Trần Thị Hoàng Loan - Công nhân	
42	Huỳnh Văn Sang - Nông dân	Phạm Thị Ngọc Trâm - Công nhân	
43	Lê Tấn Lợi - Công Nhân	Võ Thị Kiều Tuyền - Công Nhân	
44	Nguyễn Hoàng Thanh - Nông dân	Phan Thị Mi Tôm - Công nhân	

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2		TS	P	K
1	Hồ Gia Bảo																																	0	0	0
2	Nguyễn Huy Quốc Bảo																																	0	0	0
3	Nguyễn Thành Danh																																	0	0	0
4	Đỗ Thành Đạt																																	0	0	0
5	Nguyễn Đăng Anh Hào																																	0	0	0
6	Cao Nhã Hân																																	0	0	0
7	Võ Công Hậu																																	0	0	0
8	Lâm Hoàng Gia Huy																																	0	0	0
9	Phạm Ngọc Thu Hương																																	0	0	0
10	Võ Hoàng Khang																																	0	0	0
11	Nguyễn Hữu Khang																																	0	0	0
12	Phan Tuấn Khang																																	0	0	0
13	Trần Thị Quỳnh Mai																																	0	0	0
14	Nguyễn Ngọc Kim Ngân																																	0	0	0
15	Nguyễn Thành Nghĩa																																	0	0	0
16	Lê Bảo Ngọc																																	0	0	0
17	Quách Thị Bảo Ngọc																																	0	0	0
18	Phan Nguyễn Kim Ngọc																																	0	0	0
19	Nguyễn Thị Yến Nhi																																	0	0	0
20	Võ Thị Huỳnh Như																																	0	0	0
21	Nguyễn Hoàng An Nhựt																																	0	0	0
22	Nguyễn Thành Phát																																	0	0	0
23	Trần Tiến Phát																																	0	0	0
24	Nguyễn Hoàng Phúc																																	0	0	0
25	Mai Thanh Phương																																	0	0	0
26	Lê Thanh Quy																																	0	0	0
27	Hồ Thị Hồng Quyên																																	0	0	0
28	Huỳnh Thị Thúy Quyên																																	0	0	0
29	Nguyễn Phan Nhã Quỳnh																																	0	0	0
30	Nguyễn Quốc Thái																																	0	0	0
31	Nguyễn Đạt Thành																																	0	0	0
32	Vân Thị Hồng Thắm																																	0	0	0
33	Tô Nguyễn Hữu Thoại																																	0	0	0
34	La Hoàng Anh Thư																																	0	0	0
35	Trần Phạm Phương Trang																																	0	0	0
36	Thái Thị Bích Trâm																																	0	0	0
37	Nguyễn Võ Ngọc Trân																																	0	0	0
38	Nguyễn Minh Trí																																	0	0	0
39	Nguyễn Thành Trí																																	0	0	0
40	Nguyễn Đặng Thiên Trí																																	0	0	0
41	Nguyễn Thị Huyền Trinh																																	0	0	0
42	Huỳnh Ngọc Hữu Trọng																																	0	0	0
43	Lê Thị Cẩm Tú																																	0	0	0
44	Nguyễn Hoàng Tuấn																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Tỉ lệ:

có phép: 0%
không phép: 0%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Trường An

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
có phép: 100.00%		
không phép: 0.00%		
	Nguyễn Trường An	Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ			
		Thứ	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	TS	P	K	
1	Hồ Gia Bảo																																	0	0	0	
2	Nguyễn Huy Quốc Bảo				P						P	P								P						P								5	5	0	
3	Nguyễn Thành Danh																																	0	0	0	
4	Đỗ Thành Đạt																																	0	0	0	
5	Nguyễn Đăng Anh Hào		P				P												P															3	3	0	
6	Cao Nhã Hân				P					P																								2	2	0	
7	Võ Công Hậu																																	0	0	0	
8	Lâm Hoàng Gia Huy					P						P									P													3	3	0	
9	Phạm Ngọc Thu Hương																																	0	0	0	
10	Võ Hoàng Khang																																	0	0	0	
11	Nguyễn Hữu Khang																																	0	0	0	
12	Phan Tuấn Khang																																	0	0	0	
13	Trần Thị Quỳnh Mai																																	0	0	0	
14	Nguyễn Ngọc Kim Ngân																																	0	0	0	
15	Nguyễn Thành Nghĩa																																	0	0	0	
16	Lê Bảo Ngọc																																	0	0	0	
17	Quách Thị Bảo Ngọc																																	0	0	0	
18	Phan Nguyễn Kim Ngọc																																	0	0	0	
19	Nguyễn Thị Yến Nhi																																	0	0	0	
20	Võ Thị Huỳnh Như																																	0	0	0	
21	Nguyễn Hoàng An Nhựt																																	0	0	0	
22	Nguyễn Thành Phát																																	0	0	0	
23	Trần Tiến Phát																																	0	0	0	
24	Nguyễn Hoàng Phúc																																	0	0	0	
25	Mai Thanh Phương																																	0	0	0	
26	Lê Thanh Quy																																	0	0	0	
27	Hồ Thị Hồng Quyên																																	0	0	0	
28	Huỳnh Thị Thúy Quyên																																	0	0	0	
29	Nguyễn Phan Nhã Quỳnh																																	0	0	0	
30	Nguyễn Quốc Thái																																	0	0	0	
31	Nguyễn Đạt Thành																																	0	0	0	
32	Văn Thị Hồng Thắm																																	0	0	0	
33	Tô Nguyễn Hữu Thoại																																	0	0	0	
34	La Hoàng Anh Thư																																	0	0	0	
35	Trần Phạm Phương Trang																																	0	0	0	
36	Thái Thị Bích Trâm																																	0	0	0	
37	Nguyễn Võ Ngọc Trân																																	0	0	0	
38	Nguyễn Minh Trí																																	0	0	0	
39	Nguyễn Thành Trí																																	0	0	0	
40	Nguyễn Đặng Thiên Trí																																	0	0	0	
41	Nguyễn Thị Huyền Trinh													P					P														2	2	0		
42	Huỳnh Ngọc Hữu Trọng																																	0	0	0	
43	Lê Thị Cẩm Tú																																	0	0	0	
44	Nguyễn Hoàng Tuấn																																	0	0	0	
	Tổng số		0	1	0	2	1	1	0	0	1	1	2	0	1	0	0	0	1	2	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15	15	0

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm	Hiệu trưởng
có phép: 100.00%	(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký tên, đóng dấu)
không phép: 0.00%		
	Nguyễn Trường An	Nguyễn Minh Triều

Tỉ lệ:

có phép:	100.00%
không phép:	0.00%

Nguyễn Trường An

Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6				TS	P	K
1	Hồ Gia Bảo																																	0	0	0
2	Nguyễn Huy Quốc Bảo											P					P																	2	2	0
3	Nguyễn Thành Danh							P	P		P	P						P	P					P	P	P	P		P	P				12	12	0
4	Đỗ Thành Đạt																																	0	0	0
5	Nguyễn Đăng Anh Hào																																	0	0	0
6	Cao Nhã Hân																																	0	0	0
7	Võ Công Hậu										P																							1	1	0
8	Lâm Hoàng Gia Huy																																	0	0	0
9	Phạm Ngọc Thu Hương																																	0	0	0
10	Võ Hoàng Khang																																	0	0	0
11	Nguyễn Hữu Khang																																	0	0	0
12	Phan Tuấn Khang																																	0	0	0
13	Trần Thị Quỳnh Mai																																	0	0	0
14	Nguyễn Ngọc Kim Ngân																																	0	0	0
15	Nguyễn Thành Nghĩa																																	0	0	0
16	Lê Bảo Ngọc																																	0	0	0
17	Quách Thị Bảo Ngọc																																	0	0	0
18	Phan Nguyễn Kim Ngọc																																	0	0	0
19	Nguyễn Thị Yến Nhi																																	0	0	0
20	Võ Thị Huỳnh Như																																	0	0	0
21	Nguyễn Hoàng An Nhựt									P																								1	1	0
22	Nguyễn Thành Phát																																	0	0	0
23	Trần Tiến Phát																																	0	0	0
24	Nguyễn Hoàng Phúc																																	0	0	0
25	Mai Thanh Phương																																	0	0	0
26	Lê Thanh Quy																																	0	0	0
27	Hồ Thị Hồng Quyên																																	0	0	0
28	Huỳnh Thị Thủy Quyên																																	0	0	0
29	Nguyễn Phan Nhã Quỳnh																																	0	0	0
30	Nguyễn Quốc Thái																																	0	0	0
31	Nguyễn Đạt Thành																																	0	0	0
32	Vân Thị Hồng Thắm																																	0	0	0
33	Tô Nguyễn Hữu Thoại																																	0	0	0
34	La Hoàng Anh Thư																																	0	0	0
35	Trần Phạm Phương Trang																																	0	0	0
36	Thái Thị Bích Trâm																																	0	0	0
37	Nguyễn Võ Ngọc Trân																																	0	0	0
38	Nguyễn Minh Trí																																	0	0	0
39	Nguyễn Thành Trí																																	0	0	0
40	Nguyễn Đặng Thiên Trí																																	0	0	0
41	Nguyễn Thị Huyền Trinh																																	0	0	0
42	Huỳnh Ngọc Hữu Trọng																																	0	0	0
43	Lê Thị Cẩm Tú																																	0	0	0
44	Nguyễn Hoàng Tuấn																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	2	1	3	1	0	0	0	0	1	2	0	0	0	0	0	2	2	0	2	0	0	0				16	16	0

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm	Hiệu trưởng
có phép: 100.00%	(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký tên, đóng dấu)
không phép: 0.00%		
	Nguyễn Trường An	Nguyễn Minh Triều

Tỉ lệ:

có phép: 0%

không phép: 0%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Trường An

Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4		TS	P	K
1	Hồ Gia Bảo																																	0	0	0
2	Nguyễn Huy Quốc Bảo																																	0	0	0
3	Nguyễn Thành Danh																																	0	0	0
4	Đỗ Thành Đạt																																	0	0	0
5	Nguyễn Đăng Anh Hào																																	0	0	0
6	Cao Nhã Hân																																	0	0	0
7	Võ Công Hậu																																	0	0	0
8	Lâm Hoàng Gia Huy																																	0	0	0
9	Phạm Ngọc Thu Hương																																	0	0	0
10	Võ Hoàng Khang																																	0	0	0
11	Nguyễn Hữu Khang																																	0	0	0
12	Phan Tuấn Khang																																	0	0	0
13	Trần Thị Quỳnh Mai																																	0	0	0
14	Nguyễn Ngọc Kim Ngân																																	0	0	0
15	Nguyễn Thành Nghĩa																																	0	0	0
16	Lê Bảo Ngọc																																	0	0	0
17	Quách Thị Bảo Ngọc																																	0	0	0
18	Phan Nguyễn Kim Ngọc																																	0	0	0
19	Nguyễn Thị Yến Nhi																																	0	0	0
20	Võ Thị Huỳnh Như																																	0	0	0
21	Nguyễn Hoàng An Nhựt																																	0	0	0
22	Nguyễn Thành Phát																																	0	0	0
23	Trần Tiến Phát																																	0	0	0
24	Nguyễn Hoàng Phúc																																	0	0	0
25	Mai Thanh Phương																																	0	0	0
26	Lê Thanh Quy																																	0	0	0
27	Hồ Thị Hồng Quyên																																	0	0	0
28	Huỳnh Thị Thủy Quyên																																	0	0	0
29	Nguyễn Phan Nhã Quỳnh																																	0	0	0
30	Nguyễn Quốc Thái																																	0	0	0
31	Nguyễn Đạt Thành																																	0	0	0
32	Văn Thị Hồng Thắm																																	0	0	0
33	Tô Nguyễn Hữu Thoại																																	0	0	0
34	La Hoàng Anh Thư																																	0	0	0
35	Trần Phạm Phương Trang																																	0	0	0
36	Thái Thị Bích Trâm																																	0	0	0
37	Nguyễn Võ Ngọc Trân																																	0	0	0
38	Nguyễn Minh Trí																																	0	0	0
39	Nguyễn Thành Trí																																	0	0	0
40	Nguyễn Đặng Thiên Trí																																	0	0	0
41	Nguyễn Thị Huyền Trinh																																	0	0	0
42	Huỳnh Ngọc Hữu Trọng																																	0	0	0
43	Lê Thị Cẩm Tú																																	0	0	0
44	Nguyễn Hoàng Tuấn																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Tỉ lệ:

có phép: 0%
không phép: 0%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Trường An

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ			
		Thứ	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	TS	P	K	
1	Hồ Gia Bảo																																	0	0	0	
2	Nguyễn Huy Quốc Bảo																																	0	0	0	
3	Nguyễn Thành Danh																																	0	0	0	
4	Đỗ Thành Đạt																																	0	0	0	
5	Nguyễn Đăng Anh Hào																																	0	0	0	
6	Cao Nhã Hân																																	0	0	0	
7	Võ Công Hậu																																	0	0	0	
8	Lâm Hoàng Gia Huy																																	0	0	0	
9	Phạm Ngọc Thu Hương																																	0	0	0	
10	Võ Hoàng Khang																																	0	0	0	
11	Nguyễn Hữu Khang																																	0	0	0	
12	Phan Tuấn Khang																																	0	0	0	
13	Trần Thị Quỳnh Mai																																	0	0	0	
14	Nguyễn-Ngọc-Kim-Ngân																																0	0	0		
15	Nguyễn Thành Nghĩa																																	0	0	0	
16	Lê Bảo Ngọc																																	0	0	0	
17	Quách Thị Bảo Ngọc																																	0	0	0	
18	Phan Nguyễn Kim Ngọc																																	0	0	0	
19	Nguyễn Thị Yến Nhi																																	0	0	0	
20	Võ Thị Huỳnh Như																																	0	0	0	
21	Nguyễn Hoàng An Nhựt																																	0	0	0	
22	Nguyễn Thành Phát																																	0	0	0	
23	Trần Tiến Phát																																	0	0	0	
24	Nguyễn Hoàng Phúc																																	0	0	0	
25	Mai Thanh Phương																																	0	0	0	
26	Lê Thanh Quy																																	0	0	0	
27	Hồ Thị Hồng Quyên																																	0	0	0	
28	Huỳnh Thị Thúy Quyên																																	0	0	0	
29	Nguyễn Phan Nhã Quỳnh																																	0	0	0	
30	Nguyễn Quốc Thái																																	0	0	0	
31	Nguyễn Đạt Thành																																	0	0	0	
32	Vân Thị Hồng Thắm																																	0	0	0	
33	Tô Nguyễn Hữu Thoại																																	0	0	0	
34	La Hoàng Anh Thư																																	0	0	0	
35	Trần Phạm Phương Trang																																	0	0	0	
36	Thái Thị Bích Trâm																																	0	0	0	
37	Nguyễn-Võ-Ngọc-Trân																																	0	0	0	
38	Nguyễn Minh Trí																																	0	0	0	
39	Nguyễn Thành Trí																																	0	0	0	
40	Nguyễn Đặng Thiên Trí																																	0	0	0	
41	Nguyễn Thị Huyền Trinh																																	0	0	0	
42	Huỳnh Ngọc Hữu Trọng																																	0	0	0	
43	Lê Thị Cẩm Tú																																	0	0	0	
44	Nguyễn Hoàng Tuấn																																	0	0	0	
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Tỉ lệ:

có phép: 0%không phép: 0%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Trường An

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ I

HỌC KỲ I

Toán

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Hồ Gia Bảo	7,0	8,0	9,0	7,0		7,0	6,3	7,1	Học khá, chăm ngoan
2	Nguyễn Huy Quốc Bảo	7,0	8,0	10,0	7,0		7,0	5,3	6,9	Học được, cần phát huy nhiều hơn
3	Nguyễn Thành Danh	8,0	7,0	7,0	6,0		7,0	0,0	4,7	Cần cố gắng nhiều hơn
4	Đỗ Thành Đạt	3,0	8,0	9,0	7,0		7,8	5,3	6,5	Học được, cần phát huy nhiều hơn
5	Nguyễn Đăng Anh Hào	4,0	7,0	8,0	6,0		5,0	4,3	5,3	Cần phát huy nhiều hơn
6	Cao Nhã Hân	9,0	6,0	8,0	7,0		6,3	6,5	6,9	Học được, cần phát huy nhiều hơn
7	Võ Công Hậu	3,0	8,0	9,0	7,0		8,8	7,0	7,3	Học khá, chăm ngoan
8	Lâm Hoàng Gia Huy	9,0	7,0	10,0	8,0		6,3	5,8	7,1	Học khá, chăm ngoan
9	Phạm Ngọc Thu Hương	9,0	7,0	10,0	8,0		7,3	7,0	7,7	Học khá, chăm ngoan
10	Võ Hoàng Khang	9,0	9,0	8,0	8,0		7,3	7,3	7,8	Học khá, chăm ngoan
11	Nguyễn Hữu Khang	6,0	7,0	9,0	7,0		7,0	4,5	6,3	Học được, cần phát huy nhiều hơn
12	Phan Tuấn Khang	7,0	10,0	8,0	8,0		7,3	7,0	7,6	Học khá, chăm ngoan
13	Trần Thị Quỳnh Mai	8,0	8,0	8,0	7,0		7,0	5,8	6,9	Học được, cần phát huy nhiều hơn
14	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	4,0	9,0	2,0	5,0		6,3	2,0	4,3	Cần cố gắng nhiều hơn
15	Nguyễn Thành Nghĩa	8,0	8,0	8,0	7,0		6,8	6,3	7,1	Học khá, chăm ngoan
16	Lê Bảo Ngọc	10,0	9,0	4,0	8,0		8,5	6,8	7,6	Học khá, chăm ngoan
17	Quách Thị Bảo Ngọc	10,0	8,0	6,0	8,0		6,5	7,5	7,5	Học khá, chăm ngoan
18	Phan Nguyễn Kim Ngọc	7,0	7,0	8,0	7,0		6,8	5,3	6,5	Học được, cần phát huy nhiều hơn
19	Nguyễn Thị Yến Nhi	8,0	8,0	9,0	8,0		7,8	6,0	7,4	Học khá, chăm ngoan
20	Võ Thị Huỳnh Như	9,0	10,0	10,0	10,0		9,8	8,8	9,4	Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt
21	Nguyễn Hoàng An Nhựt	6,0	8,0	10,0	7,0		6,3	6,8	7,1	Học khá, chăm ngoan
22	Nguyễn Thành Phát	5,0	8,0	8,0	7,0		7,3	4,8	6,3	Học được, cần phát huy nhiều hơn
23	Trần Tiến Phát	9,0	8,0	9,0	8,0		8,3	6,5	7,8	Học khá, chăm ngoan
24	Nguyễn Hoàng Phúc	8,0	8,0	8,0	8,0		7,3	6,3	7,3	Học khá, chăm ngoan
25	Mai Thanh Phương	9,0	10,0	8,0	8,0		7,8	6,8	7,9	Học khá, chăm ngoan
26	Lê Thanh Quy	6,0	6,0	4,0	6,0		6,8	5,3	5,7	Cần phát huy nhiều hơn
27	Hồ Thị Hồng Quyên	10,0	8,0	8,0	8,0		6,3	7,0	7,5	Học khá, chăm ngoan
28	Huỳnh Thị Thúy Quyên	9,0	9,0	8,0	8,0		6,8	5,3	7,1	Học khá, chăm ngoan
29	Nguyễn Phan Nhã Quỳnh	7,0	8,0	8,0	7,0		6,5	6,3	6,9	Học được, cần phát huy nhiều hơn
30	Nguyễn Quốc Thái	5,0	7,0	6,0	6,0		7,0	6,5	6,4	Học được, cần phát huy nhiều hơn
31	Nguyễn Đạt Thành	6,0	6,0	8,0	6,0		5,8	5,8	6,1	Học được, cần phát huy nhiều hơn
32	Văn Thị Hồng Thắm	7,0	5,0	8,0	7,0		7,0	6,0	6,6	Học được, cần phát huy nhiều hơn
33	Tô Nguyễn Hữu Thoại	8,0	8,0	6,0	7,0		7,0	5,8	6,7	Học được, cần phát huy nhiều hơn
34	La Hoàng Anh Thư	8,0	9,0	9,0	8,0		7,0	6,3	7,4	Học khá, chăm ngoan
35	Trần Phạm Phương Trang	6,0	7,0	8,0	7,0		5,5	6,5	6,5	Học được, cần phát huy nhiều hơn
36	Thái Thị Bích Trâm	8,0	8,0	9,0	7,0		5,0	5,8	6,6	Học được, cần phát huy nhiều hơn
37	Nguyễn Võ Ngọc Trân	4,0	8,0	6,0	6,0		6,8	6,0	6,2	Học được, cần phát huy nhiều hơn
38	Nguyễn Minh Trí	6,0	7,0	8,0	7,0		6,5	5,0	6,2	Học được, cần phát huy nhiều hơn
39	Nguyễn Thành Trí	8,0	9,0	8,0	8,0		6,8	6,8	7,4	Học khá, chăm ngoan
40	Nguyễn Đăng Thiên Trí	7,0	8,0	9,0	7,0		7,8	5,0	6,8	Học được, cần phát huy nhiều hơn
41	Nguyễn Thị Huyền Trinh	8,0	9,0	10,0	8,0		6,0	6,8	7,5	Học khá, chăm ngoan
42	Huỳnh Ngọc Hữu Trọng	9,0	9,0	7,0	8,0		7,3	6,8	7,6	Học khá, chăm ngoan
43	Lê Thị Cẩm Tú	5,0	7,0	9,0	7,0		6,0	6,8	6,7	Học được, cần phát huy nhiều hơn
44	Nguyễn Hoàng Tuấn	9,0	7,0	9,0	7,0		5,5	4,5	6,3	Học được, cần phát huy nhiều hơn

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Duy Phương

HỌC KỲ I												
Vật lý (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú		
1	Hồ Gia Bảo	9,0	9,0	9,0			7,0	4,8	6,9	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
2	Nguyễn Huy Quốc Bảo	9,0	9,0	10,0			7,3	7,0	8,0	Tích cực đóng góp xây dựng bài học , sáng tạo khi trình bày kiến thức.		
3	Nguyễn Thành Danh	9,0	8,0	9,0			5,0	0,0	4,5	Tích cực trong giờ học, cần tự tin khi trình bày kiến thức.		
4	Đỗ Thành Đạt	9,0	9,0	8,0			4,5	6,0	6,6	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
5	Nguyễn Đăng Anh Hào	9,0	7,0	9,0			4,3	5,0	6,1	Tích cực trong giờ học, cần tự tin khi trình bày kiến thức.		
6	Cao Nhã Hân	5,0	10,0	10,0			6,0	6,0	6,9	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
7	Võ Công Hậu	10,0	9,0	8,0			5,5	7,3	7,5	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
8	Lâm Hoàng Gia Huy	10,0	9,0	9,0			7,0	5,5	7,3	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
9	Phạm Ngọc Thu Hương	10,0	7,0	9,0			8,5	8,8	8,7	Tích cực đóng góp xây dựng bài học , sáng tạo khi trình bày kiến thức.		
10	Võ Hoàng Khang	10,0	9,0	9,0			7,0	8,8	8,6	Tích cực đóng góp xây dựng bài học , sáng tạo khi trình bày kiến thức.		
11	Nguyễn Hữu Khang	9,0	8,0	9,0			5,3	5,8	6,8	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
12	Phan Tuấn Khang	9,0	9,0	9,0			7,3	7,8	8,1	Tích cực đóng góp xây dựng bài học , sáng tạo khi trình bày kiến thức.		
13	Trần Thị Quỳnh Mai	10,0	8,0	10,0			8,0	7,3	8,2	Tích cực đóng góp xây dựng bài học , sáng tạo khi trình bày kiến thức.		
14	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	9,0	8,0	9,0			6,3	4,5	5,4	Tích cực trong giờ học, cần tự tin khi trình bày kiến thức.		
15	Nguyễn Thành Nghĩa	9,0	9,0	9,0			6,3	7,0	7,6	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
16	Lê Bảo Ngọc	10,0	9,0	9,0			8,0	8,5	8,7	Tích cực đóng góp xây dựng bài học , sáng tạo khi trình bày kiến thức.		
17	Quách Thị Bảo Ngọc	10,0	9,0	9,0			7,0	9,0	8,6	Tích cực đóng góp xây dựng bài học , sáng tạo khi trình bày kiến thức.		
18	Phan Nguyễn Kim Ngọc	10,0	9,0	10,0			6,5	8,0	8,3	Tích cực đóng góp xây dựng bài học , sáng tạo khi trình bày kiến thức.		
19	Nguyễn Thị Yến Nhi	9,0	10,0	10,0			7,8	5,0	7,5	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
20	Võ Thị Huỳnh Như	10,0	9,0	10,0			8,0	10,0	9,4	Tích cực đóng góp xây dựng bài học , sáng tạo khi trình bày kiến thức.		
21	Nguyễn Hoàng An Nhựt	9,0	9,0	9,0			6,0	5,8	7,1	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
22	Nguyễn Thành Phát	9,0	9,0	10,0			6,3	6,5	7,5	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
23	Trần Tiến Phát	9,0	8,0	9,0			8,0	6,5	7,7	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
24	Nguyễn Hoàng Phúc	9,0	8,0	9,0			6,3	5,0	6,7	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
25	Mai Thanh Phương	9,0	9,0	9,0			8,0	7,3	8,1	Tích cực đóng góp xây dựng bài học , sáng tạo khi trình bày kiến thức.		
26	Lê Thanh Quy	9,0	8,0	9,0			6,3	8,8	8,1	Tích cực đóng góp xây dựng bài học , sáng tạo khi trình bày kiến thức.		
27	Hồ Thị Hồng Quyền	9,0	10,0	10,0			6,3	8,8	8,5	Tích cực đóng góp xây dựng bài học , sáng tạo khi trình bày kiến thức.		
28	Huỳnh Thị Thủy Quyền	10,0	9,0	10,0			6,5	8,5	8,4	Tích cực đóng góp xây dựng bài học , sáng tạo khi trình bày kiến thức.		
29	Nguyễn Phan Nhã Quỳnh	9,0	9,0	10,0			6,3	8,5	8,3	Tích cực đóng góp xây dựng bài học , sáng tạo khi trình bày kiến thức.		
30	Nguyễn Quốc Thái	10,0	9,0	9,0			6,5	8,5	8,3	Tích cực đóng góp xây dựng bài học , sáng tạo khi trình bày kiến thức.		
31	Nguyễn Đạt Thành	9,0	8,0	9,0			5,0	7,8	7,4	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
32	Văn Thị Hồng Thắm	10,0	9,0	10,0			7,0	4,5	7,1	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
33	Tô Nguyễn Hữu Thoại	9,0	10,0	9,0			4,5	4,5	6,3	Tích cực trong giờ học, cần tự tin khi trình bày kiến thức.		
34	La Hoàng Anh Thư	9,0	9,0	10,0			6,5	8,5	8,3	Tích cực đóng góp xây dựng bài học , sáng tạo khi trình bày kiến thức.		
35	Trần Phạm Phương Trang	9,0	8,0	10,0			6,0	7,8	7,8	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
36	Thái Thị Bích Trâm	9,0	9,0	10,0			7,3	6,8	7,9	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
37	Nguyễn Võ Ngọc Trân	10,0	8,0	10,0			6,8	6,0	7,5	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
38	Nguyễn Minh Trí	10,0	8,0	9,0			5,5	4,0	6,3	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
39	Nguyễn Thành Trí	9,0	9,0	9,0			7,0	9,0	8,5	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
40	Nguyễn Đăng Thiên Trí	9,0	8,0	9,0			7,0	3,3	6,2	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
41	Nguyễn Thị Huyền Trinh	9,0	7,0	9,0			7,0	7,0	7,5	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.		
42	Huỳnh Ngọc Hữu Trọng	9,0	10,0	9,0			6,8	8,0	8,2	Tích cực đóng góp xây dựng bài học , sáng tạo khi trình bày kiến thức.		
43	Lê Thị Cẩm Tú	10,0	9,0	9,0			5,5	9,3	8,4	Tích cực đóng góp xây dựng bài học , sáng tạo khi trình bày kiến thức.		
44	Nguyễn Hoàng Tuấn	9,0	8,0	9,0			6,0	4,5	6,4	Tích cực trong giờ học, cần tự tin khi trình bày kiến thức.		

Giáo viên môn học
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thanh Tâm

Hóa học HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú		
1	Hồ Gia Bảo	9,0	9,0	7,0			7,0	8,0	7,9	Học khá, cần cố gắng.		
2	Nguyễn Huy Quốc Bảo	9,0	8,0	5,0			8,0	5,8	6,9	Học khá, cần cố gắng.		
3	Nguyễn Thành Danh	9,0	8,0	5,0			7,5	6,0	6,9	Học khá, cần cố gắng.		
4	Đỗ Thành Đạt	5,0	9,0	6,0			3,5	9,0	6,8	Học khá, cần cố gắng.		
5	Nguyễn Đăng Anh Hào	9,0	8,0	5,0			6,5	6,0	6,6	Học khá, cần cố gắng.		
6	Cao Nhã Hân	8,0	9,0	8,0			6,0	9,3	8,1	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
7	Võ Công Hậu	10,0	3,0	6,0			7,0	2,5	5,1	Học được, cần cố gắng hơn.		
8	Lâm Hoàng Gia Huy	10,0	9,0	10,0			9,5	9,0	9,4	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
9	Phạm Ngọc Thu Hương	9,0	9,0	9,0			8,5	9,3	9,0	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
10	Võ Hoàng Khang	9,0	9,0	7,0			8,5	8,5	8,4	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
11	Nguyễn Hữu Khang	7,0	7,0	5,0			5,5	6,3	6,1	Học được, cần cố gắng hơn.		
12	Phan Tuấn Khang	10,0	9,0	10,0			9,0	9,0	9,3	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
13	Trần Thị Quỳnh Mai	9,0	9,0	6,0			8,5	8,8	8,4	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
14	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	5,0	5,0	5,0			4,0	4,8	4,7	Học yếu, cần cố gắng nhiều hơn.		
15	Nguyễn Thành Nghĩa	9,0	10,0	8,0			8,0	9,5	8,9	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
16	Lê Bảo Ngọc	9,0	9,0	8,0			9,5	8,8	8,9	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
17	Quách Thị Bảo Ngọc	9,0	9,0	8,0			8,0	9,3	8,7	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
18	Phan Nguyễn Kim Ngọc	9,0	9,0	10,0			8,5	7,8	8,6	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
19	Nguyễn Thị Yến Nhi	10,0	10,0	10,0			10,0	9,8	9,9	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
20	Võ Thị Huỳnh Như	10,0	10,0	10,0			10,0	10,0	10,0	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
21	Nguyễn Hoàng An Nhựt	9,0	10,0	5,0			7,5	7,3	7,6	Học khá, cần cố gắng.		
22	Nguyễn Thành Phát	6,0	8,0	5,0			4,5	8,0	6,5	Học khá, cần cố gắng.		
23	Trần Tiến Phát	8,0	8,0	6,0			7,0	6,5	6,9	Học khá, cần cố gắng.		
24	Nguyễn Hoàng Phúc	10,0	10,0	5,0			8,5	7,3	8,0	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
25	Mai Thanh Phương	9,0	10,0	9,0			8,5	9,3	9,1	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
26	Lê Thanh Quy	8,0	9,0	8,0			7,5	9,3	8,5	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
27	Hồ Thị Hồng Quyên	9,0	9,0	8,0			8,5	9,0	8,8	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
28	Huỳnh Thị Thủy Quyên	9,0	9,0	7,0			8,0	8,8	8,4	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
29	Nguyễn Phan Nhã Quỳnh	10,0	10,0	10,0			10,0	9,8	9,9	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
30	Nguyễn Quốc Thái	9,0	9,0	8,0			8,5	7,5	8,2	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
31	Nguyễn Đạt Thành	8,0	9,0	8,0			7,0	8,3	8,0	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
32	Văn Thị Hồng Thắm	6,0	8,0	6,0			7,5	7,3	7,1	Học khá, cần cố gắng.		
33	Tô Nguyễn Hữu Thoại	9,0	8,0	6,0			6,5	6,0	6,8	Học khá, cần cố gắng.		
34	La Hoàng Anh Thư	8,0	9,0	8,0			8,5	9,3	8,7	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
35	Trần Phạm Phương Trang	9,0	9,0	6,0			8,0	8,3	8,1	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
36	Thái Thị Bích Trâm	9,0	7,0	6,0			8,0	7,8	7,7	Học khá, cần cố gắng.		
37	Nguyễn Võ Ngọc Trân	8,0	7,0	7,0			6,5	5,5	6,4	Học được, cần cố gắng hơn.		
38	Nguyễn Minh Trí	6,0	7,0	5,0			4,5	6,0	5,6	Học được, cần cố gắng hơn.		
39	Nguyễn Thành Trí	9,0	8,0	7,0			8,0	7,8	7,9	Học khá, cần cố gắng.		
40	Nguyễn Đăng Thiên Trí	9,0	8,0	10,0			9,5	6,8	8,3	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
41	Nguyễn Thị Huyền Trinh	9,0	10,0	8,0			8,5	9,3	9,0	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
42	Huỳnh Ngọc Hữu Trọng	9,0	9,0	7,0			8,0	9,0	8,5	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
43	Lê Thị Cẩm Tú	10,0	9,0	7,0			9,0	8,8	8,8	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
44	Nguyễn Hoàng Tuấn	8,0	9,0	5,0			5,5	6,5	6,6	Học khá, cần cố gắng.		

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hữu Tân

Tin học HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Hồ Gia Bảo	10,0	8,0	8,0			9,0	7,5	8,3	Học tốt	
2	Nguyễn Huy Quốc Bảo	10,0	9,0	9,0			9,0	7,5	8,6	Học tốt	
3	Nguyễn Thành Danh	9,0	10,0	9,0			9,0	8,0	8,8	Học tốt	
4	Đỗ Thành Đạt	9,0	7,0	7,0			8,5	8,0	8,0	Học tốt	
5	Nguyễn Đăng Anh Hào	9,0	9,0	10,0			9,0	4,0	7,3	Học khá	
6	Cao Nhã Hân	10,0	10,0	10,0			9,0	7,5	8,8	Học tốt	
7	Võ Công Hậu	9,0	7,0	7,0			9,0	6,5	7,6	Học khá	
8	Lâm Hoàng Gia Huy	9,0	10,0	9,0			8,5	8,0	8,6	Học tốt	
9	Phạm Ngọc Thu Hương	10,0	9,0	9,0			9,0	6,5	8,2	Học tốt	
10	Võ Hoàng Khang	10,0	8,0	8,0			8,0	8,0	8,3	Học tốt	
11	Nguyễn Hữu Khang	10,0	9,0	9,0			8,0	8,0	8,5	Học tốt	
12	Phan Tuấn Khang	10,0	10,0	10,0			8,5	8,5	9,1	Học tốt	
13	Trần Thị Quỳnh Mai	10,0	9,0	9,0			9,0	7,5	8,6	Học tốt	
14	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	10,0	9,0	8,0			9,5	8,5	8,9	Học tốt	
15	Nguyễn Thành Nghĩa	9,0	9,0	9,0			9,5	6,0	8,0	Học tốt	
16	Lê Bảo Ngọc	10,0	10,0	10,0			9,0	9,0	9,4	Học tốt	
17	Quách Thị Bảo Ngọc	10,0	10,0	10,0			9,0	8,0	9,0	Học tốt	
18	Phan Nguyễn Kim Ngọc	10,0	10,0	10,0			9,0	8,0	9,0	Học tốt	
19	Nguyễn Thị Yến Nhi	10,0	10,0	10,0			9,0	8,0	9,0	Học tốt	
20	Võ Thị Huỳnh Như	10,0	10,0	10,0			9,0	8,0	9,0	Học tốt	
21	Nguyễn Hoàng An Nhựt	10,0	10,0	9,0			8,0	6,5	8,1	Học tốt	
22	Nguyễn Thành Phát	10,0	9,0	10,0			9,0	8,5	9,1	Học tốt	
23	Trần Tiến Phát	10,0	10,0	10,0			9,0	7,5	8,8	Học tốt	
24	Nguyễn Hoàng Phúc	10,0	10,0	9,0			8,5	8,0	8,8	Học tốt	
25	Mai Thanh Phương	10,0	9,0	8,0			9,0	7,5	8,4	Học tốt	
26	Lê Thanh Quy	10,0	10,0	10,0			9,0	8,5	9,2	Học tốt	
27	Hồ Thị Hồng Quyên	10,0	10,0	10,0			8,5	7,0	8,5	Học tốt	
28	Huỳnh Thị Thủy Quyên	10,0	10,0	10,0			9,0	7,5	8,8	Học tốt	
29	Nguyễn Phan Nhã Quỳnh	10,0	10,0	10,0			9,5	7,5	8,9	Học tốt	
30	Nguyễn Quốc Thái	10,0	10,0	10,0			9,0	7,0	8,6	Học tốt	
31	Nguyễn Đạt Thành	10,0	10,0	9,0			9,0	8,0	8,9	Học tốt	
32	Văn Thị Hồng Thắm	9,0	10,0	10,0			9,0	7,5	8,7	Học tốt	
33	Tô Nguyễn Hữu Thoại	10,0	10,0	9,0			9,0	5,5	7,9	Học khá	
34	La Hoàng Anh Thư	10,0	9,0	10,0			8,0	5,0	7,5	Học khá	
35	Trần Phạm Phương Trang	10,0	10,0	9,0			7,5	9,0	8,9	Học tốt	
36	Thái Thị Bích Trâm	10,0	10,0	10,0			8,5	9,0	9,3	Học tốt	
37	Nguyễn Võ Ngọc Trân	10,0	9,0	10,0			9,5	8,0	9,0	Học tốt	
38	Nguyễn Minh Trí	10,0	8,0	9,0			9,0	8,5	8,8	Học tốt	
39	Nguyễn Thành Trí	10,0	9,0	10,0			9,0	7,0	8,5	Học tốt	
40	Nguyễn Đăng Thiên Trí	9,0	10,0	8,0			8,5	7,5	8,3	Học tốt	
41	Nguyễn Thị Huyền Trinh	10,0	10,0	10,0			8,0	5,0	7,6	Học khá	
42	Huỳnh Ngọc Hữu Trọng	10,0	10,0	9,0			9,5	8,0	9,0	Học tốt	
43	Lê Thị Cẩm Tú	10,0	10,0	10,0			9,0	8,0	9,0	Học tốt	
44	Nguyễn Hoàng Tuấn	10,0	7,0	8,0			9,0	7,0	8,0	Học tốt	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trương Phụng Thọ

HỌC KỲ I											
Ngữ văn											
(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Hồ Gia Bảo	9,0	10,0	8,0	8,0		7,0	5,0	7,1	Học khá	
2	Nguyễn Huy Quốc Bảo	8,0	8,0	8,0	8,0		6,5	5,5	6,8	Học khá	
3	Nguyễn Thành Danh	8,0	8,0	8,0	7,0		6,0	0,0	4,8	Cần cố gắng hơn	
4	Đỗ Thành Đạt	8,0	9,0	7,0	5,0		6,0	5,0	6,2	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
5	Nguyễn Đăng Anh Hào	7,0	8,0	7,0	5,0		4,5	3,5	5,2	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
6	Cao Nhã Hân	9,0	9,0	8,0	7,0		6,5	5,0	6,8	Học khá	
7	Võ Công Hậu	7,0	9,0	7,0	7,0		6,0	5,5	6,5	Học khá	
8	Lâm Hoàng Gia Huy	8,0	9,0	7,0	5,0		6,0	4,5	6,1	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
9	Phạm Ngọc Thu Hương	10,0	10,0	8,0	8,0		8,0	7,5	8,3	Học giỏi , có tinh thần học tập tốt	
10	Võ Hoàng Khang	9,0	10,0	8,0	8,0		7,5	6,0	7,6	Học khá	
11	Nguyễn Hữu Khang	8,0	8,0	8,0	8,0		6,5	5,5	6,8	Học khá	
12	Phan Tuấn Khang	9,0	10,0	8,0	7,0		6,0	4,5	6,6	Học khá	
13	Trần Thị Quỳnh Mai	10,0	9,0	8,0	8,0		7,5	5,5	7,4	Học khá	
14	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	10,0	4,0	5,0	5,0		6,5	4,5	5,6	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
15	Nguyễn Thành Nghĩa	9,0	9,0	8,0	6,0		6,5	5,5	6,8	Học khá	
16	Lê Bảo Ngọc	9,0	10,0	9,0	8,0		8,0	5,5	7,6	Học khá	
17	Quách Thị Bảo Ngọc	8,0	10,0	9,0	7,0		7,5	5,5	7,3	Học khá	
18	Phan Nguyễn Kim Ngọc	10,0	9,0	8,0	8,0		7,5	5,5	7,4	Học khá	
19	Nguyễn Thị Yến Nhi	8,0	9,0	8,0	7,0		6,0	5,5	6,7	Học khá	
20	Võ Thị Huỳnh Như	10,0	10,0	10,0	8,0		7,5	6,0	7,9	Học khá	
21	Nguyễn Hoàng An Nhựt	8,0	8,0	8,0	8,0		7,0	5,0	6,8	Học khá	
22	Nguyễn Thành Phát	8,0	8,0	8,0	5,0		6,5	5,5	6,5	Học khá	
23	Trần Tiến Phát	9,0	10,0	8,0	5,0		5,5	5,5	6,6	Học khá	
24	Nguyễn Hoàng Phúc	10,0	8,0	4,0	7,0		7,5	5,5	6,7	Học khá	
25	Mai Thanh Phương	9,0	8,0	6,0	5,0		6,5	5,5	6,4	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
26	Lê Thanh Quy	8,0	7,0	9,0	6,0		7,5	5,5	6,8	Học khá	
27	Hồ Thị Hồng Quyên	10,0	10,0	8,0	7,0		7,0	5,0	7,1	Học khá	
28	Huỳnh Thị Thủy Quyên	10,0	9,0	9,0	8,0		7,5	6,0	7,7	Học khá	
29	Nguyễn Phan Nhã Quỳnh	10,0	9,0	9,0	7,0		7,0	6,0	7,4	Học khá	
30	Nguyễn Quốc Thái	8,0	10,0	8,0	6,0		6,0	5,5	6,7	Học khá	
31	Nguyễn Đạt Thành	8,0	10,0	7,0	6,0		5,5	5,0	6,3	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
32	Văn Thị Hồng Thắm	8,0	8,0	8,0	7,0		5,0	5,5	6,4	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
33	Tô Nguyễn Hữu Thoại	8,0	8,0	7,0	5,0		6,0	4,5	5,9	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
34	La Hoàng Anh Thư	9,0	8,0	8,0	8,0		7,0	6,0	7,2	Học khá	
35	Trần Phạm Phương Trang	8,0	9,0	7,0	7,0		6,5	4,5	6,4	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
36	Thái Thị Bích Trâm	9,0	10,0	8,0	5,0		8,0	4,5	6,8	Học khá	
37	Nguyễn Võ Ngọc Trân	10,0	9,0	8,0	8,0		8,0	6,0	7,7	Học khá	
38	Nguyễn Minh Trí	8,0	8,0	7,0	8,0		5,5	4,0	6,0	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
39	Nguyễn Thành Trí	9,0	10,0	8,0	6,0		5,5	5,5	6,7	Học khá	
40	Nguyễn Đăng Thiên Trí	8,0	8,0	7,0	7,0		5,0	5,0	6,1	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
41	Nguyễn Thị Huyền Trinh	10,0	9,0	7,0	5,0		7,5	6,0	7,1	Học khá	
42	Huỳnh Ngọc Hữu Trọng	8,0	9,0	8,0	6,0		6,5	5,0	6,6	Học khá	
43	Lê Thị Cẩm Tú	8,0	10,0	9,0	7,0		7,5	5,5	7,3	Học khá	
44	Nguyễn Hoàng Tuấn	10,0	8,0	4,0	7,0		7,5	4,5	6,4	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	

Giáo viên môn học
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Vân

HỌC KỲ I Lịch sử (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Hồ Gia Bảo	9,0	8,0	8,0			8,5	8,5	8,4	Học tốt chăm ngoan	
2	Nguyễn Huy Quốc Bảo	9,0	7,0	8,0			7,0	9,0	8,1	Học tốt chăm ngoan	
3	Nguyễn Thành Danh	10,0	7,0	9,0			9,0	8,3	8,6	Học tốt chăm ngoan	
4	Đỗ Thành Đạt	8,0	8,0	9,0			6,8	8,3	7,9	Cần cố gắng ở HK 2	
5	Nguyễn Đăng Anh Hào	7,0	8,0	8,0			2,3	3,8	4,9	Cần cố gắng	
6	Cao Nhã Hân	10,0	8,0	10,0			8,5	8,8	8,9	Học tốt chăm ngoan	
7	Võ Công Hậu	1,0	9,0	8,0			7,0	9,0	7,4	Học khá	
8	Lâm Hoàng Gia Huy	8,0	7,0	9,0			7,0	9,5	8,3	Học tốt chăm ngoan	
9	Phạm Ngọc Thu Hương	10,0	9,0	8,0			8,0	8,0	8,4	Học tốt chăm ngoan	
10	Võ Hoàng Khang	10,0	8,0	8,0			7,0	9,3	8,5	Học tốt chăm ngoan	
11	Nguyễn Hữu Khang	7,0	7,0	8,0			8,0	5,3	6,7	Cần cố gắng	
12	Phan Tuấn Khang	8,0	7,0	9,0			9,5	9,0	8,8	Học tốt chăm ngoan	
13	Trần Thị Quỳnh Mai	8,0	9,0	10,0			8,0	9,5	8,9	Học tốt chăm ngoan	
14	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	7,0	9,0	10,0			4,5	6,0	6,6	Cần cố gắng	
15	Nguyễn Thành Nghĩa	9,0	9,0	8,0			7,5	8,0	8,1	Học tốt chăm ngoan	
16	Lê Bảo Ngọc	10,0	7,0	8,0			9,3	8,3	8,6	Học tốt chăm ngoan	
17	Quách Thị Bảo Ngọc	10,0	9,0	8,0			8,0	8,3	8,5	Học tốt chăm ngoan	
18	Phan Nguyễn Kim Ngọc	9,0	9,0	8,0			8,0	7,0	7,9	Cần cố gắng ở HK 2	
19	Nguyễn Thị Yến Nhi	10,0	7,0	8,0			8,0	8,0	8,1	Học tốt chăm ngoan	
20	Võ Thị Huỳnh Như	10,0	10,0	8,0			8,8	9,3	9,2	Học tốt chăm ngoan	
21	Nguyễn Hoàng An Nhựt	8,0	7,0	8,0			8,8	9,0	8,5	Học tốt chăm ngoan	
22	Nguyễn Thành Phát	9,0	8,0	9,0			4,3	8,5	7,5	Học khá	
23	Trần Tiến Phát	9,0	9,0	8,0			7,0	7,5	7,8	Học khá	
24	Nguyễn Hoàng Phúc	6,0	9,0	8,0			7,5	7,0	7,4	Học khá	
25	Mai Thanh Phương	1,0	9,0	9,0			5,0	4,8	5,4	Cần cố gắng	
26	Lê Thanh Quy	9,0	9,0	8,0			8,5	9,0	8,8	Học tốt chăm ngoan	
27	Hồ Thị Hồng Quyên	10,0	8,0	10,0			9,3	9,5	9,4	Học tốt chăm ngoan	
28	Huỳnh Thị Thủy Quyên	9,0	9,0	9,0			4,8	9,0	8,0	Học tốt chăm ngoan	
29	Nguyễn Phan Nhã Quỳnh	9,0	9,0	8,0			8,3	9,3	8,8	Học tốt chăm ngoan	
30	Nguyễn Quốc Thái	9,0	9,0	7,0			7,3	7,8	7,9	Cần cố gắng ở HK 2	
31	Nguyễn Đạt Thành	9,0	9,0	7,0			6,8	8,3	7,9	Cần cố gắng ở HK 2	
32	Văn Thị Hồng Thắm	9,0	7,0	9,0			9,0	8,0	8,4	Học tốt chăm ngoan	
33	Tô Nguyễn Hữu Thoại	8,0	9,0	8,0			8,8	8,3	8,4	Học tốt chăm ngoan	
34	La Hoàng Anh Thư	8,0	8,0	9,0			8,0	8,8	8,4	Học tốt chăm ngoan	
35	Trần Phạm Phương Trang	10,0	8,0	10,0			8,8	9,5	9,3	Học tốt chăm ngoan	
36	Thái Thị Bích Trâm	10,0	8,0	9,0			8,0	8,3	8,5	Học tốt chăm ngoan	
37	Nguyễn Võ Ngọc Trân	8,0	7,0	8,0			7,0	7,0	7,3	Học khá	
38	Nguyễn Minh Trí	7,0	7,0	8,0			7,0	7,0	7,1	Học khá	
39	Nguyễn Thành Trí	9,0	8,0	9,0			8,5	8,3	8,5	Học tốt chăm ngoan	
40	Nguyễn Đăng Thiên Trí	5,0	7,0	8,0			5,8	7,3	6,7	Cần cố gắng	
41	Nguyễn Thị Huyền Trinh	8,0	9,0	8,0			9,0	8,8	8,7	Học tốt chăm ngoan	
42	Huỳnh Ngọc Hữu Trọng	7,0	9,0	10,0			4,5	9,0	7,8	Học khá	
43	Lê Thị Cẩm Tú	10,0	10,0	10,0			7,3	9,5	9,1	Học tốt chăm ngoan	
44	Nguyễn Hoàng Tuấn	8,0	9,0	8,0			4,5	4,5	5,9	Cần cố gắng	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Ngọc Diệu

HỌC KỲ I Ngoại ngữ 1 (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Hồ Gia Bảo	7,0	7,5	7,0	6,5		7,0	8,0	7,3	Học khá tốt	
2	Nguyễn Huy Quốc Bảo	10,0	6,0	7,0	5,0		6,5	7,3	7,0	Học khá tốt	
3	Nguyễn Thành Danh	9,0	9,0	8,0	6,0		6,5	7,4	7,5	Học khá tốt	
4	Đỗ Thành Đạt	8,0	6,5	7,0	10,0		6,0	8,3	7,6	Học khá tốt	
5	Nguyễn Đăng Anh Hào	7,0	7,0	7,0	9,5		1,0	3,8	4,9	Cần cố gắng nhiều hơn	
6	Cao Nhã Hân	6,0	9,0	7,0	10,0		7,5	7,8	7,8	Học khá tốt	
7	Võ Công Hậu	9,0	8,5	8,0	8,0		5,8	7,8	7,6	Học khá tốt	
8	Lâm Hoàng Gia Huy	9,0	5,0	8,0	5,5		7,8	8,6	7,7	Học khá tốt	
9	Phạm Ngọc Thu Hương	10,0	7,0	9,0	8,5		7,3	8,8	8,4	Học giỏi, chăm ngoan	
10	Võ Hoàng Khang	7,0	6,0	7,0	6,0		5,5	8,1	6,8	Học khá tốt	
11	Nguyễn Hữu Khang	8,0	8,0	7,0	4,0		4,5	6,2	6,1	Có cố gắng	
12	Phan Tuấn Khang	8,0	9,5	10,0	8,0		7,0	8,4	8,3	Học giỏi, chăm ngoan	
13	Trần Thị Quỳnh Mai	8,0	7,5	9,0	8,0		7,5	7,9	7,9	Học khá tốt	
14	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	8,0	6,5	7,0	6,0		5,5	6,4	6,4	Có cố gắng	
15	Nguyễn Thành Nghĩa	8,0	8,0	7,0	6,5		6,8	6,0	6,8	Học khá tốt	
16	Lê Bảo Ngọc	8,0	7,0	8,0	4,0		6,3	6,6	6,6	Học khá tốt	
17	Quách Thị Bảo Ngọc	9,0	10,0	7,0	10,0		7,0	8,2	8,3	Học giỏi, chăm ngoan	
18	Phan Nguyễn Kim Ngọc	10,0	4,5	9,0	3,5		4,8	6,8	6,3	Có cố gắng	
19	Nguyễn Thị Yến Nhi	10,0	7,5	9,0	3,5		7,5	8,2	7,7	Học khá tốt	
20	Võ Thị Huỳnh Như	10,0	7,0	8,0	6,5		6,5	9,2	8,0	Học khá tốt	
21	Nguyễn Hoàng An Nhựt	9,0	7,5	7,0	5,0		6,3	7,2	7,0	Học khá tốt	
22	Nguyễn Thành Phát	7,0	9,0	7,0	9,5		1,0	7,1	6,2	Có cố gắng	
23	Trần Tiến Phát	9,0	6,0	7,0	9,0		6,3	7,9	7,5	Học khá tốt	
24	Nguyễn Hoàng Phúc	8,0	6,0	7,0	3,5		6,0	5,8	6,0	Có cố gắng	
25	Mai Thanh Phương	10,0	8,5	7,0	4,5		6,0	7,2	7,1	Học khá tốt	
26	Lê Thanh Quy	10,0	9,0	7,0	9,0		4,3	7,6	7,4	Học khá tốt	
27	Hồ Thị Hồng Quyên	8,0	9,0	7,0	10,0		8,0	8,0	8,2	Học giỏi, chăm ngoan	
28	Huỳnh Thị Thủy Quyên	8,0	8,5	8,0	4,0		5,5	8,4	7,2	Học khá tốt	
29	Nguyễn Phan Nhã Quỳnh	8,0	8,5	9,0	4,0		4,5	7,4	6,7	Học khá tốt	
30	Nguyễn Quốc Thái	9,0	7,5	7,0	4,5		5,8	7,1	6,8	Học khá tốt	
31	Nguyễn Đạt Thành	9,0	6,5	7,0	5,0		4,3	7,6	6,5	Có cố gắng	
32	Văn Thị Hồng Thắm	8,0	8,0	9,0	5,0		6,8	8,0	7,5	Học khá tốt	
33	Tô Nguyễn Hữu Thoại	8,0	2,5	7,0	8,0		5,5	7,6	6,6	Học khá tốt	
34	La Hoàng Anh Thư	7,0	8,5	7,0	6,5		7,8	8,3	7,7	Học khá tốt	
35	Trần Phạm Phương Trang	7,0	7,0	7,0	9,5		6,8	8,2	7,6	Học khá tốt	
36	Thái Thị Bích Trâm	8,0	10,0	7,0	6,5		8,3	7,6	7,9	Học khá tốt	
37	Nguyễn Võ Ngọc Trân	8,0	7,0	8,0	4,0		6,5	6,4	6,6	Học khá tốt	
38	Nguyễn Minh Trí	7,0	7,5	8,0	4,0		4,0	5,9	5,8	Có cố gắng	
39	Nguyễn Thành Trí	10,0	7,0	7,0	6,5		6,5	8,1	7,5	Học khá tốt	
40	Nguyễn Đăng Thiên Trí	8,0	8,5	7,0	5,0		5,5	8,7	7,3	Học khá tốt	
41	Nguyễn Thị Huyền Trinh	7,0	2,5	7,0	7,5		6,8	7,7	6,7	Học khá tốt	
42	Huỳnh Ngọc Hữu Trọng	9,0	8,0	7,0	5,5		5,3	6,8	6,7	Học khá tốt	
43	Lê Thị Cẩm Tú	8,0	9,0	7,0	9,5		7,8	7,6	8,0	Học khá tốt	
44	Nguyễn Hoàng Tuấn	7,0	5,0	7,0	3,5		4,3	5,7	5,4	Có cố gắng	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Hồng Thủy

Giáo Dục Quốc Phòng

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên),

Nguyễn Thị Thu Hằng

HỌC KỲ I

Thiết kế và Công nghệ

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Hồ Gia Bảo	9,0	10,0	8,0			10,0	8,0	8,9	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
2	Nguyễn Huy Quốc Bảo	9,0	9,0	8,0			10,0	8,0	8,8	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
3	Nguyễn Thành Danh	8,0	9,0	8,0			10,0	7,5	8,4	Học khá, cần phát huy
4	Đỗ Thành Đạt	8,0	10,0	8,0			9,0	7,5	8,3	Học khá, cần phát huy
5	Nguyễn Đăng Anh Hào	9,0	10,0	9,0			9,0	7,5	8,6	Học khá, cần phát huy
6	Cao Nhã Hân	9,0	10,0	8,0			10,0	7,5	8,7	Học khá, cần phát huy
7	Võ Công Hậu	9,0	9,0	9,0			9,0	7,5	8,4	Học khá, cần phát huy
8	Lâm Hoàng Gia Huy	8,0	9,0	8,0			10,0	8,0	8,6	Học khá, cần phát huy
9	Phạm Ngọc Thu Hương	9,0	10,0	9,0			10,0	7,5	8,8	Học khá, cần phát huy
10	Võ Hoàng Khang	9,0	9,0	8,0			10,0	7,5	8,6	Học khá, cần phát huy
11	Nguyễn Hữu Khang	9,0	10,0	8,0			9,0	8,0	8,6	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
12	Phan Tuấn Khang	8,0	10,0	8,0			9,0	8,0	8,5	chăm ngoan, có cố gắng
13	Trần Thị Quỳnh Mai	9,0	10,0	9,0			9,0	8,0	8,8	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
14	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	9,0	9,0	8,0			9,0	7,5	8,3	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
15	Nguyễn Thành Nghĩa	8,0	9,0	8,0			9,0	8,0	8,4	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
16	Lê Bảo Ngọc	8,0	10,0	8,0			10,0	8,5	8,9	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
17	Quách Thị Bảo Ngọc	8,0	9,0	9,0			10,0	7,5	8,6	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
18	Phan Nguyễn Kim Ngọc	9,0	10,0	8,0			10,0	8,0	8,9	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
19	Nguyễn Thị Yến Nhi	9,0	10,0	8,0			10,0	8,0	8,9	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
20	Võ Thị Huỳnh Như	9,0	10,0	10,0			10,0	8,5	9,3	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
21	Nguyễn Hoàng An Nhựt	9,0	10,0	8,0			9,0	8,0	8,6	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
22	Nguyễn Thành Phát	8,0	9,0	9,0			10,0	8,0	8,8	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
23	Trần Tiến Phát	9,0	9,0	8,0			9,0	7,5	8,3	chăm ngoan, có cố gắng
24	Nguyễn Hoàng Phúc	8,0	9,0	9,0			10,0	7,5	8,6	chăm ngoan, có cố gắng
25	Mai Thanh Phương	9,0	10,0	8,0			10,0	8,0	8,9	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
26	Lê Thanh Quy	8,0	9,0	8,0			9,0	8,0	8,4	chăm ngoan, có cố gắng
27	Hồ Thị Hồng Quyên	9,0	10,0	8,0			10,0	7,5	8,7	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
28	Huỳnh Thị Thủy Quyên	8,0	10,0	8,0			10,0	8,0	8,8	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
29	Nguyễn Phan Nhã Quỳnh	9,0	9,0	9,0			10,0	7,5	8,7	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
30	Nguyễn Quốc Thái	8,0	10,0	9,0			9,0	8,0	8,6	chăm ngoan, có cố gắng
31	Nguyễn Đạt Thành	9,0	10,0	9,0			9,0	8,0	8,8	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
32	Văn Thị Hồng Thắm	8,0	10,0	8,0			9,0	8,0	8,5	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
33	Tô Nguyễn Hữu Thoại	9,0	9,0	9,0			10,0	7,5	8,7	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
34	La Hoàng Anh Thư	8,0	9,0	8,0			10,0	7,5	8,4	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
35	Trần Phạm Phương Trang	9,0	9,0	9,0			9,0	8,0	8,6	chăm ngoan, có cố gắng
36	Thái Thị Bích Trâm	8,0	10,0	8,0			10,0	8,0	8,8	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
37	Nguyễn Võ Ngọc Trân	9,0	10,0	9,0			9,0	8,0	8,8	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
38	Nguyễn Minh Trí	8,0	9,0	8,0			9,0	8,0	8,4	chăm ngoan, có cố gắng
39	Nguyễn Thành Trí	9,0	10,0	9,0			10,0	8,0	9,0	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
40	Nguyễn Đăng Thiên Trí	8,0	9,0	8,0			10,0	8,0	8,6	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
41	Nguyễn Thị Huyền Trinh	9,0	9,0	9,0			10,0	7,5	8,7	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
42	Huỳnh Ngọc Hữu Trọng	8,0	10,0	8,0			10,0	8,0	8,8	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
43	Lê Thị Cẩm Tú	9,0	10,0	8,0			9,0	8,0	8,6	chăm ngoan, có cố gắng
44	Nguyễn Hoàng Tuấn	9,0	9,0	8,0			9,0	7,5	8,3	chăm ngoan, có cố gắng

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Trường An

Giáo dục thể chất											HỌC KỲ I										
											(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)										
STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)										Ghi Chú									
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ												
1	Hồ Gia Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
2	Nguyễn Huy Quốc Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
3	Nguyễn Thành Danh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
4	Đỗ Thành Đạt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
5	Nguyễn Đăng Anh Hào	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
6	Cao Nhã Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
7	Võ Công Hậu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
8	Lâm Hoàng Gia Huy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
9	Phạm Ngọc Thu Hương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
10	Võ Hoàng Khang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
11	Nguyễn Hữu Khang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
12	Phan Tuấn Khang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
13	Trần Thị Quỳnh Mai	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
14	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
15	Nguyễn Thành Nghĩa	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
16	Lê Bảo Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
17	Quách Thị Bảo Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
18	Phan Nguyễn Kim Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
19	Nguyễn Thị Yến Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
20	Võ Thị Huỳnh Như	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
21	Nguyễn Hoàng An Nhựt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
22	Nguyễn Thành Phát	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
23	Trần Tiến Phát	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
24	Nguyễn Hoàng Phúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
25	Mai Thanh Phương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
26	Lê Thanh Quy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
27	Hồ Thị Hồng Quyên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
28	Huỳnh Thị Thúy Quyên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
29	Nguyễn Phan Nhã Quỳnh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
30	Nguyễn Quốc Thái	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
31	Nguyễn Đạt Thành	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
32	Văn Thị Hồng Thắm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
33	Tô Nguyễn Hữu Thoại	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
34	La Hoàng Anh Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
35	Trần Phạm Phương Trang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
36	Thái Thị Bích Trâm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
37	Nguyễn Võ Ngọc Trân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
38	Nguyễn Minh Trí	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
39	Nguyễn Thành Trí	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
40	Nguyễn Đặng Thiên Trí	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
41	Nguyễn Thị Huyền Trinh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
42	Huỳnh Ngọc Hữu Trọng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
43	Lê Thị Cẩm Tú	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										
44	Nguyễn Hoàng Tuấn	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt										

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Hồng Hải

Giáo dục địa phương (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)										
STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)							Ghi Chú	
		Thường Xuyên				Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ		
1	Hồ Gia Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
2	Nguyễn Huy Quốc Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
3	Nguyễn Thành Danh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
4	Đỗ Thành Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
5	Nguyễn Đăng Anh Hào	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
6	Cao Nhã Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
7	Võ Công Hậu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
8	Lâm Hoàng Gia Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
9	Phạm Ngọc Thu Hương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
10	Võ Hoàng Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
11	Nguyễn Hữu Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
12	Phan Tuấn Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
13	Trần Thị Quỳnh Mai	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
14	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
15	Nguyễn Thành Nghĩa	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
16	Lê Bảo Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
17	Quách Thị Bảo Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
18	Phan Nguyễn Kim Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
19	Nguyễn Thị Yến Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
20	Võ Thị Huỳnh Như	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
21	Nguyễn Hoàng An Nhựt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
22	Nguyễn Thành Phát	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
23	Trần Tiến Phát	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
24	Nguyễn Hoàng Phúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
25	Mai Thanh Phương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
26	Lê Thanh Quy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
27	Hồ Thị Hồng Quyên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
28	Huỳnh Thị Thúy Quyên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
29	Nguyễn Phan Nhã Quỳnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
30	Nguyễn Quốc Thái	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
31	Nguyễn Đạt Thành	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
32	Văn Thị Hồng Thắm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
33	Tô Nguyễn Hữu Thoại	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
34	La Hoàng Anh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
35	Trần Phạm Phương Trang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
36	Thái Thị Bích Trâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
37	Nguyễn Võ Ngọc Trân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
38	Nguyễn Minh Trí	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
39	Nguyễn Thành Trí	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
40	Nguyễn Đặng Thiên Trí	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
41	Nguyễn Thị Huyền Trinh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
42	Huỳnh Ngọc Hữu Trọng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
43	Lê Thị Cẩm Tú	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
44	Nguyễn Hoàng Tuấn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Việt Quyền, Nguyễn Thị Thùy Ngân, Nguyễn Văn Hiện, Đỗ Nguyễn Hoàng Thuý Vy

STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)								Ghi Chú
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	
1	Hồ Gia Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
2	Nguyễn Huy Quốc Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
3	Nguyễn Thành Danh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
4	Đỗ Thành Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
5	Nguyễn Đăng Anh Hào	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
6	Cao Nhã Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
7	Võ Công Hậu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
8	Lâm Hoàng Gia Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
9	Phạm Ngọc Thu Hương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
10	Võ Hoàng Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
11	Nguyễn Hữu Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
12	Phan Tuấn Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
13	Trần Thị Quỳnh Mai	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
14	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
15	Nguyễn Thành Nghĩa	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
16	Lê Bảo Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
17	Quách Thị Bảo Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
18	Phan Nguyễn Kim Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
19	Nguyễn Thị Yến Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
20	Võ Thị Huỳnh Như	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
21	Nguyễn Hoàng An Nhựt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
22	Nguyễn Thành Phát	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
23	Trần Tiến Phát	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
24	Nguyễn Hoàng Phúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
25	Mai Thanh Phương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
26	Lê Thanh Quy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
27	Hồ Thị Hồng Quyên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
28	Huỳnh Thị Thủy Quyên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
29	Nguyễn Phan Nhã Quỳnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
30	Nguyễn Quốc Thái	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
31	Nguyễn Đạt Thành	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
32	Văn Thị Hồng Thắm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
33	Tô Nguyễn Hữu Thoại	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
34	La Hoàng Anh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
35	Trần Phạm Phương Trang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
36	Thái Thị Bích Trâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
37	Nguyễn Võ Ngọc Trân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
38	Nguyễn Minh Trí	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
39	Nguyễn Thành Trí	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
40	Nguyễn Đăng Thiên Trí	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
41	Nguyễn Thị Huyền Trinh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
42	Huỳnh Ngọc Hữu Trọng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
43	Lê Thị Cẩm Tú	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
44	Nguyễn Hoàng Tuấn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Trường An

TỔNG HỢP HỌC KỲ I

Số T T	Họ và tên	Môn học đánh giá bằng nhận xét			Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số									Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
		Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	HDTrN- HN	Toán	Vật lý	Hóa học	Tin học	Ngữ văn	Lịch sử	Ngoại ngữ 1	Giáo Dục Quốc Phong	Thiết kế và Công nghệ		
1	Hồ Gia Bảo	Đ	Đ	Đ	7,1	6,9	7,9	8,3	7,1	8,4	7,3	8,2	8,9	K	T
2	Nguyễn Huy Quốc Bảo	Đ	Đ	Đ	6,9	8,0	6,9	8,6	6,8	8,1	7,0	7,1	8,8	K	T
3	Nguyễn Thành Danh	Đ	Đ	Đ	4,7	4,5	6,9	8,8	4,8	8,6	7,5	7,1	8,4	Đ	T
4	Đỗ Thành Đạt	Đ	Đ	Đ	6,5	6,6	6,8	8,0	6,2	7,9	7,6	7,2	8,3	K	T
5	Nguyễn Đăng Anh Hào	Đ	Đ	Đ	5,3	6,1	6,6	7,3	5,2	4,9	4,9	6,5	8,6	Đ	T
6	Cao Nhã Hân	Đ	Đ	Đ	6,9	6,9	8,1	8,8	6,8	8,9	7,8	6,8	8,7	K	T
7	Võ Công Hậu	Đ	Đ	Đ	7,3	7,5	5,1	7,6	6,5	7,4	7,6	6,6	8,4	K	T
8	Lâm Hoàng Gia Huy	Đ	Đ	Đ	7,1	7,3	9,4	8,6	6,1	8,3	7,7	6,5	8,6	K	T
9	Phạm Ngọc Thu Hương	Đ	Đ	Đ	7,7	8,7	9,0	8,2	8,3	8,4	8,4	8,0	8,8	T	T
10	Võ Hoàng Khang	Đ	Đ	Đ	7,8	8,6	8,4	8,3	7,6	8,5	6,8	8,9	8,6	T	T
11	Nguyễn Hữu Khang	Đ	Đ	Đ	6,3	6,8	6,1	8,5	6,8	6,7	6,1	6,5	8,6	K	T
12	Phan Tuấn Khang	Đ	Đ	Đ	7,6	8,1	9,3	9,1	6,6	8,8	8,3	7,7	8,5	T	T
13	Trần Thị Quỳnh Mai	Đ	Đ	Đ	6,9	8,2	8,4	8,6	7,4	8,9	7,9	7,0	8,8	K	T
14	Nguyễn Ngọc Kim Ngân														
15	Nguyễn Thành Nghĩa	Đ	Đ	Đ	7,1	7,6	8,9	8,0	6,8	8,1	6,8	7,2	8,4	K	T
16	Lê Bảo Ngọc	Đ	Đ	Đ	7,6	8,7	8,9	9,4	7,6	8,6	6,6	8,5	8,9	T	T
17	Quách Thị Bảo Ngọc	Đ	Đ	Đ	7,5	8,6	8,7	9,0	7,3	8,5	8,3	8,3	8,6	T	T
18	Phan Nguyễn Kim Ngọc	Đ	Đ	Đ	6,5	8,3	8,6	9,0	7,4	7,9	6,3	7,1	8,9	K	T
19	Nguyễn Thị Yến Nhi	Đ	Đ	Đ	7,4	7,5	9,9	9,0	6,7	8,1	7,7	8,3	8,9	K	T
20	Võ Thị Huỳnh Như	Đ	Đ	Đ	9,4	9,4	10,0	9,0	7,9	9,2	8,0	8,8	9,3	T	T
21	Nguyễn Hoàng An Nhựt	Đ	Đ	Đ	7,1	7,1	7,6	8,1	6,8	8,5	7,0	6,6	8,6	K	T
22	Nguyễn Thành Phát	Đ	Đ	Đ	6,3	7,5	6,5	9,1	6,5	7,5	6,2	6,5	8,8	K	T
23	Trần Tiến Phát	Đ	Đ	Đ	7,8	7,7	6,9	8,8	6,6	7,8	7,5	8,0	8,3	K	T
24	Nguyễn Hoàng Phúc	Đ	Đ	Đ	7,3	6,7	8,0	8,8	6,7	7,4	6,0	6,5	8,6	K	T
25	Mai Thanh Phương	Đ	Đ	Đ	7,9	8,1	9,1	8,4	6,4	5,4	7,1	7,2	8,9	K	T
26	Lê Thanh Quy	Đ	Đ	Đ	5,7	8,1	8,5	9,2	6,8	8,8	7,4	8,6	8,4	K	T
27	Hồ Thị Hồng Quyên	Đ	Đ	Đ	7,5	8,5	8,8	8,5	7,1	9,4	8,2	6,8	8,7	T	T
28	Huỳnh Thị Thúy Quyên	Đ	Đ	Đ	7,1	8,4	8,4	8,8	7,7	8,0	7,2	6,6	8,8	K	T
29	Nguyễn Phan Nhã Quỳnh	Đ	Đ	Đ	6,9	8,3	9,9	8,9	7,4	8,8	6,7	7,5	8,7	K	T
30	Nguyễn Quốc Thái	Đ	Đ	Đ	6,4	8,3	8,2	8,6	6,7	7,9	6,8	8,8	8,6	K	T
31	Nguyễn Đạt Thành	Đ	Đ	Đ	6,1	7,4	8,0	8,9	6,3	7,9	6,5	8,0	8,8	K	T
32	Văn Thị Hồng Thắm	Đ	Đ	Đ	6,6	7,1	7,1	8,7	6,4	8,4	7,5	7,1	8,5	K	T
33	Tô Nguyễn Hữu Thoại	Đ	Đ	Đ	6,7	6,3	6,8	7,9	5,9	8,4	6,6	6,5	8,7	K	T
34	La Hoàng Anh Thư	Đ	Đ	Đ	7,4	8,3	8,7	7,5	7,2	8,4	7,7	6,5	8,4	K	T
35	Trần Phạm Phương Trang	Đ	Đ	Đ	6,5	7,8	8,1	8,9	6,4	9,3	7,6	6,6	8,6	K	T
36	Thái Thị Bích Trâm	Đ	Đ	Đ	6,6	7,9	7,7	9,3	6,8	8,5	7,9	8,2	8,8	K	T
37	Nguyễn Võ Ngọc Trân														
38	Nguyễn Minh Trí	Đ	Đ	Đ	6,2	6,3	5,6	8,8	6,0	7,1	5,8	6,5	8,4	Đ	T
39	Nguyễn Thành Trí	Đ	Đ	Đ	7,4	8,5	7,9	8,5	6,7	8,5	7,5	6,9	9,0	K	T
40	Nguyễn Đặng Thiên Trí	Đ	Đ	Đ	6,8	6,2	8,3	8,3	6,1	6,7	7,3	6,9	8,6	K	T
41	Nguyễn Thị Huyền Trinh	Đ	Đ	Đ	7,5	7,5	9,0	7,6	7,1	8,7	6,7	7,0	8,7	K	T
42	Huỳnh Ngọc Hữu Trọng	Đ	Đ	Đ	7,6	8,2	8,5	9,0	6,6	7,8	6,7	7,0	8,8	K	T
43	Lê Thị Cẩm Tú	Đ	Đ	Đ	6,7	8,4	8,8	9,0	7,3	9,1	8,0	8,2	8,6	T	T
44	Nguyễn Hoàng Tuấn	Đ	Đ	Đ	6,3	6,4	6,6	8,0	6,4	5,9	5,4	6,5	8,3	Đ	T

Giáo viên chủ nhiệm
Ký và ghi rõ họ tên

Nguyễn Trường An

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ II

HỌC KỲ II

Toán (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Hồ Gia Bảo	8,0	7,0	9,0	7,0	6,0	6,3	5,5	6,6	6.8			Học được, cần phát huy nhiều hơn
2	Nguyễn Huy Quốc Bảo	6,0	8,0	10,0	10,0	10,0	4,3	8,3	7,8	7.5			Học khá, chăm ngoan
3	Nguyễn Thành Danh	7,0	7,0	10,0	9,0	6,0	3,8	6,0	6,5	5.9			Học được, cần phát huy nhiều hơn
4	Đỗ Thành Đạt	8,0	8,0	8,0	9,0	10,0	6,8	6,5	7,6	7.2			Học khá, chăm ngoan
5	Nguyễn Đăng Anh Hào	7,0	6,0	7,0	5,0	6,0	6,0	5,3	5,9	5.7			Cần phát huy nhiều hơn
6	Cao Nhã Hân	8,0	8,0	10,0	8,0	9,0	7,3	7,5	8,0	7.6			Học giỏi, chăm ngoan
7	Võ Công Hậu	8,0	9,0	10,0	9,0	9,0	7,5	8,3	8,5	8.1			Học giỏi, chăm ngoan
8	Lâm Hoàng Gia Huy	7,0	8,0	8,0	9,0	6,0	7,8	8,8	8,0	7.7			Học giỏi, chăm ngoan
9	Phạm Ngọc Thu Hương	8,0	9,0	8,0	10,0	10,0	8,8	6,5	8,2	8.0			Học giỏi, chăm ngoan
10	Võ Hoàng Khang	9,0	7,0	9,0	7,0	4,0	7,8	5,3	6,8	7.1			Học được, cần phát huy nhiều hơn
11	Nguyễn Hữu Khang	6,0	5,0	3,0	4,0	8,0	3,5	3,8	4,4	5.0			Cần cố gắng nhiều hơn
12	Phan Tuấn Khang	8,0	9,0	8,0	10,0	10,0	8,3	8,5	8,7	8.3			Học giỏi, chăm ngoan
13	Trần Thị Quỳnh Mai	8,0	8,0	8,0	9,0	9,0	8,0	8,8	8,4	7.9			Học giỏi, chăm ngoan
14	Nguyễn Ngọc Kim Ngân									4.3			
15	Nguyễn Thành Nghĩa	8,0	7,0	8,0	6,0	8,0	6,3	6,5	6,9	7.0			Học được, cần phát huy nhiều hơn
16	Lê Bảo Ngọc	8,0	7,0	7,0	9,0	5,0	5,0	6,8	6,6	6.9			Học được, cần phát huy nhiều hơn
17	Quách Thị Bảo Ngọc	9,0	9,0	10,0	9,0	10,0	7,8	6,8	8,3	8.0			Học giỏi, chăm ngoan
18	Phan Nguyễn Kim Ngọc	8,0	6,0	8,0	6,0	5,0	5,0	5,8	6,0	6.2			Học được, cần phát huy nhiều hơn
19	Nguyễn Thị Yến Nhi	9,0	9,0	10,0	10,0	8,0	8,5	6,0	8,1	7.9			Học giỏi, chăm ngoan
20	Võ Thị Huỳnh Như	10,0	9,0	10,0	9,0	10,0	8,0	8,0	8,8	9.0			Học giỏi, chăm ngoan
21	Nguyễn Hoàng An Nhựt	8,0	9,0	7,0	10,0	10,0	9,3	7,8	8,6	8.1			Học giỏi, chăm ngoan
22	Nguyễn Thành Phát	6,0	8,0	6,0	10,0	9,0	6,8	8,3	7,8	7.3			Học khá, chăm ngoan
23	Trần Tiến Phát	9,0	8,0	10,0	10,0	7,0	6,5	7,5	8,0	7.9			Học giỏi, chăm ngoan
24	Nguyễn Hoàng Phúc	6,0	7,0	8,0	6,0	7,0	5,5	7,0	6,6	6.8			Học được, cần phát huy nhiều hơn
25	Mai Thanh Phương	6,0	8,0	9,0	6,0	8,0	7,8	8,5	7,8	7.8			Học khá, chăm ngoan
26	Lê Thanh Quy	8,0	8,0	10,0	9,0	5,0	8,0	5,5	7,3	6.8			Học khá, chăm ngoan
27	Hồ Thị Hồng Quyên	8,0	9,0	10,0	9,0	9,0	8,3	7,3	8,4	8.1			Học giỏi, chăm ngoan
28	Huỳnh Thị Thúy Quyên	9,0	8,0	10,0	9,0	6,0	4,5	7,5	7,4	7.3			Học khá, chăm ngoan
29	Nguyễn Phan Nhã Quỳnh	9,0	9,0	9,0	9,0	10,0	7,5	8,0	8,5	8.0			Học giỏi, chăm ngoan
30	Nguyễn Quốc Thái	9,0	8,0	9,0	7,0	10,0	6,5	7,3	7,8	7.3			Học khá, chăm ngoan
31	Nguyễn Đạt Thành	8,0	8,0	9,0	10,0	8,0	6,8	7,5	7,9	7.3			Học khá, chăm ngoan
32	Vân Thị Hồng Thắm	9,0	8,0	10,0	9,0	6,0	7,0	7,8	7,9	7.5			Học khá, chăm ngoan
33	Tô Nguyễn Hữu Thoại	8,0	7,0	8,0	7,0	6,0	6,3	6,5	6,8	6.8			Học được, cần phát huy nhiều hơn
34	La Hoàng Anh Thư	7,0	8,0	7,0	10,0	10,0	8,5	7,0	8,0	7.8			Học giỏi, chăm ngoan
35	Trần Phạm Phương Trang	9,0	9,0	10,0	10,0	8,0	7,8	7,3	8,4	7.8			Học giỏi, chăm ngoan
36	Thái Thị Bích Trâm	10,0	10,0	10,0	10,0	9,0	9,0	6,5	8,7	8.0			Học giỏi, chăm ngoan
37	Nguyễn Vũ Ngọc Trân									6.2			
38	Nguyễn Minh Trí	6,0	6,0	5,0	6,0	8,0	6,8	5,0	6,0	6.1			Học được, cần phát huy nhiều hơn
39	Nguyễn Thành Trí	8,0	7,0	5,0	9,0	8,0	6,3	5,5	6,6	6.9			Học được, cần phát huy nhiều hơn
40	Nguyễn Đăng Thiên Trí	8,0	8,0	5,0	9,0	10,0	5,8	8,3	7,7	7.4			Học khá, chăm ngoan
41	Nguyễn Thị Huyền Trinh	7,0	7,0	8,0	10,0	6,0	7,0	6,8	7,2	7.3			Học khá, chăm ngoan
42	Huỳnh Ngọc Hữu Trọng	9,0	8,0	9,0	6,0	6,0	7,5	8,0	7,7	7.7			Học khá, chăm ngoan
43	Lê Thị Cẩm Tú	9,0	9,0	9,0	10,0	10,0	8,8	5,8	8,2	7.7			Học giỏi, chăm ngoan
44	Nguyễn Hoàng Tuấn	6,0	6,0	3,0	6,0	9,0	4,5	5,8	5,6	5.8			Cần phát huy nhiều hơn

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Duy Phương

HỌC KỲ II														
Vật lý		(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú	
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn		
1	Hồ Gia Bảo	10,0	9,0	7,0	9,0		7,5	7,8	8,2	7.8			Học tốt, chăm ngoan.	
2	Nguyễn Huy Quốc Bảo	8,0	8,0	9,0	9,0		8,5	7,3	8,1	8.1			Học tốt, chăm ngoan.	
3	Nguyễn Thành Danh	9,0	8,0	7,0	8,0		8,3	6,8	7,7	6.6			Học khá, chăm ngoan.	
4	Đỗ Thành Đạt	8,0	9,0	7,0	9,0		9,0	7,3	8,1	7.6			Học tốt, chăm ngoan.	
5	Nguyễn Đăng Anh Hào	8,0	8,0	5,0	9,0		7,3	5,3	6,7	6.5			Học khá, có cố gắng.	
6	Cao Nhã Hân	8,0	10,0	6,0	8,0		8,0	6,5	7,5	7.3			Học khá, chăm ngoan.	
7	Võ Công Hậu	9,0	9,0	5,0	7,0		8,5	5,3	7,0	7.2			Học khá, chăm ngoan.	
8	Lâm Hoàng Gia Huy	8,0	8,0	8,0	8,0		7,8	5,3	7,1	7.2			Học khá, chăm ngoan.	
9	Phạm Ngọc Thu Hương	9,0	5,0	9,0	9,0		9,3	7,8	8,2	8.4			Học tốt, chăm ngoan.	
10	Võ Hoàng Khang	9,0	10,0	7,0	10,0		8,0	7,0	8,1	8.3			Học tốt, chăm ngoan.	
11	Nguyễn Hữu Khang	8,0	8,0	7,0	5,0		8,5	6,3	7,1	7.0			Học khá, chăm ngoan.	
12	Phan Tuấn Khang	10,0	9,0	8,0	10,0		9,0	7,5	8,6	8.4			Học tốt, chăm ngoan.	
13	Trần Thị Quỳnh Mai	9,0	10,0	9,0	10,0		8,0	7,0	8,3	8.3			Học tốt, chăm ngoan.	
14	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	0,0	0,0				0,0			5.4				
15	Nguyễn Thành Nghĩa	9,0	9,0	6,0	9,0		7,0	6,0	7,2	7.3			Học khá, chăm ngoan.	
16	Lê Bảo Ngọc	10,0	10,0	8,0	9,0		9,3	9,0	9,2	9.0			Xuất sắc, chăm ngoan, tích cực.	
17	Quách Thị Bảo Ngọc	10,0	9,0	7,0	9,0		9,0	7,0	8,2	8.3			Học tốt, chăm ngoan.	
18	Phan Nguyễn Kim Ngọc	10,0	8,0	8,0	9,0		8,8	8,0	8,5	8.4			Học tốt, chăm ngoan.	
19	Nguyễn Thị Yến Nhi	10,0	9,0	7,0	8,0		8,3	6,0	7,6	7.6			Học khá, chăm ngoan.	
20	Võ Thị Huỳnh Như	10,0	10,0	10,0	10,0		10,0	9,0	9,7	9.6			Xuất sắc, chăm ngoan, tích cực.	
21	Nguyễn Hoàng An Nhựt	10,0	10,0	6,0	9,0		9,3	6,0	8,0	7.7			Học tốt, chăm ngoan.	
22	Nguyễn Thành Phát	9,0	10,0	7,0	9,0		7,0	5,5	7,3	7.4			Học khá, chăm ngoan.	
23	Trần Tiến Phát	9,0	10,0	7,0	9,0		7,8	7,3	8,1	8.0			Học tốt, chăm ngoan.	
24	Nguyễn Hoàng Phúc	5,0	8,0	8,0	7,0		6,8	6,0	6,6	6.6			Học khá, có cố gắng.	
25	Mai Thanh Phương	5,0	8,0	9,0	5,0		9,3	7,3	7,5	7.7			Học khá, chăm ngoan.	
26	Lê Thanh Quy	9,0	10,0	5,0	9,0		8,0	5,3	7,2	7.5			Học khá, chăm ngoan.	
27	Hồ Thị Hồng Quyền	9,0	10,0	6,0	9,0		9,0	7,3	8,2	8.3			Học tốt, chăm ngoan.	
28	Huỳnh Thị Thúy Quyền	9,0	10,0	9,0	9,0		8,5	7,8	8,6	8.5			Học tốt, chăm ngoan.	
29	Nguyễn Phan Nhã Quỳnh	10,0	9,0	6,0	9,0		9,5	7,0	8,2	8.2			Học tốt, chăm ngoan.	
30	Nguyễn Quốc Thái	9,0	10,0	7,0	8,0		9,0	6,3	7,9	8.0			Học khá, chăm ngoan.	
31	Nguyễn Đạt Thành	8,0	10,0	6,0	8,0		9,0	6,3	7,7	7.6			Học khá, chăm ngoan.	
32	Vân Thị Hồng Thắm	10,0	10,0	7,0	9,0		9,0	8,8	8,9	8.3			Học tốt, chăm ngoan.	
33	Tô Nguyễn Hữu Thoại	9,0	9,0	7,0	8,0		7,5	4,5	6,8	6.6			Học khá, chăm ngoan.	
34	La Hoàng Anh Thư	9,0	10,0	9,0	9,0		9,0	7,5	8,6	8.5			Học tốt, chăm ngoan.	
35	Trần Phạm Phương Trang	9,0	9,0	8,0	10,0		7,8	7,3	8,2	8.1			Học tốt, chăm ngoan.	
36	Thái Thị Bích Trâm	9,0	10,0	9,0	9,0		8,3	7,0	8,3	8.2			Học tốt, chăm ngoan.	
37	Nguyễn Võ Ngọc Trân	0,0	0,0				0,0			7.5				
38	Nguyễn Minh Trí	7,0	9,0	7,0	5,0		8,5	7,8	7,6	7.2			Học khá, chăm ngoan.	
39	Nguyễn Thành Trí	8,0	8,0	9,0	9,0		8,0	8,0	8,2	8.3			Học tốt, chăm ngoan.	
40	Nguyễn Đặng Thiên Trí	8,0	8,0	7,0	7,0		8,5	8,3	8,0	7.4			Học tốt, chăm ngoan.	
41	Nguyễn Thị Huyền Trinh	8,0	9,0	8,0	9,0		6,8	8,8	8,2	8.0			Học tốt, chăm ngoan.	
42	Huỳnh Ngọc Hữu Trọng	10,0	10,0	7,0	8,0		8,0	7,8	8,3	8.3			Học tốt, chăm ngoan.	
43	Lê Thị Cẩm Tú	9,0	10,0	8,0	9,0		9,3	7,3	8,5	8.5			Học tốt, chăm ngoan.	
44	Nguyễn Hoàng Tuấn	8,0	9,0	7,0	5,0		5,8	6,8	6,8	6.7			Học khá, có cố gắng.	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Bé Hà

HÓA HỌC HỌC KỲ II (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhhk	ĐTBmcm	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhhkII	ĐTBmcm	
1	Hồ Gia Bảo	8,0	9,0	8,0	10,0		7,0	9,5	8,6	8.4			Học giỏi, chăm ngoan
2	Nguyễn Huy Quốc Bảo	8,0	10,0	9,0	8,0		9,0	9,0	8,9	8.2			Học giỏi, chăm ngoan
3	Nguyễn Thành Danh	9,0	10,0	9,0	9,0		6,5	10,0	8,9	8.2			Học giỏi, chăm ngoan
4	Đỗ Thành Đạt	7,0	10,0	9,0	8,0		8,0	9,0	8,6	8.0			Học giỏi, chăm ngoan
5	Nguyễn Đăng Anh Hào	5,0	8,0	7,0	5,0		5,0	6,0	5,9	6.1			Học được, cần cố gắng hơn.
6	Cao Nhã Hân	8,0	6,0	8,0	9,0		6,0	8,0	7,4	7.6			Học khá, cần cố gắng.
7	Võ Công Hậu	5,0	10,0	9,0	5,0		7,5	6,8	7,2	6.5			Học khá, cần cố gắng.
8	Lâm Hoàng Gia Huy	7,0	10,0	9,0	8,0		9,5	8,3	8,7	8.9			Học giỏi, chăm ngoan
9	Phạm Ngọc Thu Hương	8,0	10,0	9,0	7,0		8,5	8,0	8,3	8.5			Học giỏi, chăm ngoan
10	Võ Hoàng Khang	8,0	10,0	9,0	9,0		8,5	9,5	9,1	8.9			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
11	Nguyễn Hữu Khang	6,0	8,0	9,0	5,0		6,0	7,0	6,8	6.6			Học khá, cần cố gắng hơn
12	Phan Tuấn Khang	8,0	9,0	9,0	9,0		9,5	9,8	9,3	9.3			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
13	Trần Thị Quỳnh Mai	9,0	10,0	9,0	9,0		7,0	9,8	8,9	8.7			Học giỏi, chăm ngoan
14	Nguyễn Ngọc Kim Ngân									4.7			
15	Nguyễn Thành Nghĩa	7,0	9,0	9,0	8,0		7,0	9,3	8,3	8.5			Học giỏi, chăm ngoan
16	Lê Bảo Ngọc	8,0	9,0	9,0	9,0		9,0	9,8	9,2	9.1			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
17	Quách Thị Bảo Ngọc	9,0	8,0	9,0	8,0		9,5	8,8	8,8	8.8			Học giỏi, chăm ngoan
18	Phan Nguyễn Kim Ngọc	8,0	8,0	9,0	8,0		6,5	9,0	8,1	8.3			Học giỏi, chăm ngoan
19	Nguyễn Thị Yến Nhi	9,0	10,0	10,0	10,0		10,0	10,0	9,9	9.9			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
20	Võ Thị Huỳnh Như	9,0	10,0	10,0	10,0		10,0	10,0	9,9	9.9			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
21	Nguyễn Hoàng An Nhựt	8,0	10,0	9,0	9,0		7,5	9,8	8,9	8.5			Học giỏi, chăm ngoan
22	Nguyễn Thành Phát	9,0	10,0	9,0	8,0		10,0	9,0	9,2	8.3			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
23	Trần Tiến Phát	8,0	10,0	8,0	8,0		8,0	8,0	8,2	7.8			Học giỏi, chăm ngoan
24	Nguyễn Hoàng Phúc	5,0	8,0	8,0	3,0		7,0	5,5	6,1	6.7			Học được, cần cố gắng hơn.
25	Mai Thanh Phương	8,0	7,0	9,0	8,0		7,0	8,8	8,0	8.4			Học giỏi, chăm ngoan
26	Lê Thanh Quy	8,0	10,0	9,0	9,0		8,0	9,8	9,0	8.8			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
27	Hồ Thị Hồng Quyền	9,0	9,0	9,0	9,0		7,0	9,8	8,8	8.8			Học giỏi, chăm ngoan
28	Huỳnh Thị Thúy Quyền	9,0	8,0	9,0	9,0		5,5	8,5	7,9	8.1			Học khá, cần cố gắng.
29	Nguyễn Phan Nhã Quỳnh	9,0	10,0	10,0	10,0		10,0	9,8	9,8	9.8			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
30	Nguyễn Quốc Thái	8,0	10,0	9,0	9,0		7,5	9,5	8,8	8.6			Học giỏi, chăm ngoan
31	Nguyễn Đạt Thành	8,0	10,0	9,0	7,0		8,5	7,8	8,3	8.2			Học giỏi, chăm ngoan
32	Vân Thị Hồng Thắm	9,0	9,0	8,0	9,0		8,0	8,8	8,6	8.1			Học giỏi, chăm ngoan
33	Tô Nguyễn Hữu Thoại	8,0	7,0	9,0	9,0		5,5	9,8	8,2	7.7			Học giỏi, chăm ngoan
34	La Hoàng Anh Thư	9,0	10,0	8,0	9,0		6,5	8,5	8,3	8.4			Học giỏi, chăm ngoan
35	Trần Phạm Phương Trang	9,0	9,0	9,0	7,0		6,0	8,0	7,8	7.9			Học khá, cần cố gắng.
36	Thái Thị Bích Trâm	9,0	9,0	9,0	9,0		7,0	9,5	8,7	8.4			Học giỏi, chăm ngoan
37	Nguyễn Võ Ngọc Trân									6.4			
38	Nguyễn Minh Trí	7,0	8,0	8,0	4,0		5,0	6,0	6,1	5.9			Học được, cần cố gắng hơn.
39	Nguyễn Thành Trí	8,0	10,0	9,0	9,0		8,5	9,8	9,2	8.8			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
40	Nguyễn Đặng Thiên Trí	7,0	9,0	10,0	6,0		9,5	8,0	8,3	8.3			Học giỏi, chăm ngoan
41	Nguyễn Thị Huyền Trinh	7,0	8,0	8,0	9,0		6,5	8,5	7,8	8.2			Học khá, cần cố gắng.
42	Huỳnh Ngọc Hữu Trọng	8,0	8,0	8,0	9,0		6,0	8,8	7,9	8.1			Học khá, cần cố gắng.
43	Lê Thị Cẩm Tú	9,0	10,0	9,0	9,0		6,5	9,5	8,7	8.7			Học giỏi, chăm ngoan
44	Nguyễn Hoàng Tuấn	7,0	8,0	8,0	3,0		7,0	5,5	6,3	6.4			Học được, cần cố gắng hơn.

Giáo viên môn học
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hữu Tân

Tin học HỌC KỲ II (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Hồ Gia Bảo	8,0	9,0	8,0			7,8	8,3	8,2	8.2			Học tốt
2	Nguyễn Huy Quốc Bảo	9,0	8,0	9,0			7,3	8,0	8,1	8.3			Học tốt
3	Nguyễn Thành Danh	10,0	10,0	9,0			6,3	7,0	7,8	8.1			Học khá
4	Đỗ Thành Đạt	9,0	9,0	9,0			7,8	7,3	8,1	8.1			Học khá
5	Nguyễn Đăng Anh Hào	8,0	9,0	9,0			5,8	8,5	7,9	7.7			Học tốt
6	Cao Nhà Hân	8,0	9,0	9,0			6,5	9,3	8,4	8.5			Học tốt, tích cực
7	Võ Công Hậu	8,0	7,0	10,0			6,8	8,5	8,0	7.9			Học tốt
8	Lâm Hoàng Gia Huy	8,0	8,0	10,0			7,3	7,8	8,0	8.2			Học khá
9	Phạm Ngọc Thu Hương	8,0	10,0	9,0			8,0	8,0	8,4	8.3			Học tốt
10	Võ Hoàng Khang	8,0	10,0	9,0			7,8	8,5	8,5	8.4			Học tốt
11	Nguyễn Hữu Khang	9,0	9,0	9,0			4,8	6,8	7,1	7.6			Học khá
12	Phan Tuấn Khang	10,0	10,0	9,0			6,0	9,0	8,5	8.7			Học tốt
13	Trần Thị Quỳnh Mai	9,0	9,0	9,0			8,3	8,8	8,8	8.7			Học tốt
14	Nguyễn Ngọc Kim Ngân									8.9			
15	Nguyễn Thành Nghĩa	9,0	9,0	9,0			7,0	6,8	7,7	7.8			Học khá
16	Lê Bảo Ngọc	8,0	9,0	9,0			7,0	8,5	8,2	8.6			Học tốt
17	Quách Thị Bảo Ngọc	9,0	10,0	9,0			6,5	8,8	8,4	8.6			Học tốt, tích cực
18	Phan Nguyễn Kim Ngọc	10,0	8,0	9,0			7,0	8,0	8,1	8.4			Học tốt
19	Nguyễn Thị Yến Nhi	9,0	9,0	9,0			7,5	8,0	8,3	8.5			Học tốt
20	Võ Thị Huỳnh Như	10,0	10,0	9,0			8,3	8,8	9,0	9.0			Học tốt, tích cực
21	Nguyễn Hoàng An Nhựt	9,0	9,0	8,0			7,0	8,8	8,3	8.2			Học tốt
22	Nguyễn Thành Phát	9,0	9,0	8,0			6,5	9,0	8,3	8.6			Học tốt
23	Trần Tiến Phát	8,0	9,0	8,0			7,0	8,0	7,9	8.2			Học tốt
24	Nguyễn Hoàng Phúc	9,0	9,0	9,0			5,3	8,0	7,7	8.1			Học tốt
25	Mai Thanh Phương	9,0	9,0	8,0			5,3	8,0	7,6	7.9			Học tốt
26	Lê Thanh Quy	8,0	9,0	9,0			7,5	8,0	8,1	8.5			Học tốt
27	Hồ Thị Hồng Quyền	8,0	9,0	9,0			7,5	9,3	8,6	8.6			Học tốt
28	Huỳnh Thị Thúy Quyền	10,0	9,0	8,0			7,0	7,8	8,1	8.3			Học tốt
29	Nguyễn Phan Nhã Quỳnh	9,0	9,0	10,0			7,5	9,0	8,8	8.8			Học tốt
30	Nguyễn Quốc Thái	10,0	10,0	9,0			6,3	9,0	8,6	8.6			Học tốt
31	Nguyễn Đạt Thành	10,0	10,0	9,0			6,3	9,0	8,6	8.7			Học tốt
32	Vân Thị Hồng Thắm	10,0	8,0	9,0			7,0	7,8	8,1	8.3			Học tốt
33	Tô Nguyễn Hữu Thoại	8,0	9,0	9,0			7,3	6,8	7,6	7.7			Học khá
34	La Hoàng Anh Thư	8,0	9,0	10,0			8,3	8,0	8,5	8.2			Học tốt
35	Trần Phạm Phương Trang	8,0	10,0	9,0			6,5	9,0	8,4	8.6			Học tốt
36	Thái Thị Bích Trâm	8,0	9,0	10,0			7,0	8,3	8,2	8.6			Học tốt
37	Nguyễn Võ Ngọc Trân									9.0			
38	Nguyễn Minh Trí	9,0	9,0	9,0			6,5	7,3	7,7	8.1			Học khá
39	Nguyễn Thành Trí	8,0	9,0	9,0			6,5	9,3	8,4	8.4			Học tốt
40	Nguyễn Đặng Thiên Trí	9,0	8,0	9,0			6,3	7,0	7,5	7.8			Học khá
41	Nguyễn Thị Huyền Trinh	9,0	9,0	9,0			8,3	8,8	8,8	8.4			Học tốt
42	Huỳnh Ngọc Hữu Trọng	10,0	10,0	9,0			7,5	7,0	8,1	8.4			Học khá
43	Lê Thị Cẩm Tú	8,0	9,0	9,0			6,3	8,3	7,9	8.3			Học tốt
44	Nguyễn Hoàng Tuấn	9,0	8,0	9,0			4,8	8,0	7,5	7.7			Học tốt

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trương Phụng Thọ

HỌC KỲ II Ngữ văn (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Hồ Gia Bảo	10,0	10,0	8,0	8,0		6,5	5,5	7,3	7.2			Học khá
2	Nguyễn Huy Quốc Bảo	8,0	9,0	5,0	6,0		6,0	6,0	6,4	6.5			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
3	Nguyễn Thành Danh	8,0	8,0	8,0	8,0		6,0	5,5	6,7	6.1			Học khá
4	Đỗ Thành Đạt	7,0	5,0	8,0	9,0		4,5	5,0	5,9	6.0			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
5	Nguyễn Đăng Anh Hào	8,0	2,0	2,0	7,0		3,5	3,5	4,1	4.5			Cần cố gắng hơn
6	Cao Nhà Hân	7,0	8,0	8,0	7,0		5,5	5,0	6,2	6.4			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
7	Võ Công Hậu	8,0	7,0	7,0	8,0		5,5	6,0	6,6	6.6			Học khá
8	Lâm Hoàng Gia Huy	6,0	3,0	5,0	7,0		4,0	3,5	4,4	5.0			Cần cố gắng hơn
9	Phạm Ngọc Thu Hương	9,0	9,0	9,0	9,0		6,0	6,5	7,5	7.8			Học khá
10	Võ Hoàng Khang	10,0	10,0	8,0	8,0		6,0	6,5	7,5	7.5			Học khá
11	Nguyễn Hữu Khang	8,0	7,0	8,0	7,0		5,0	5,5	6,3	6.5			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
12	Phan Tuấn Khang	10,0	10,0	7,0	9,0		5,5	5,0	6,9	6.8			Học khá
13	Trần Thị Quỳnh Mai	9,0	7,0	9,0	9,0		7,5	7,5	7,9	7.7			Học khá
14	Nguyễn Ngọc Kim Ngân									5.6			
15	Nguyễn Thành Nghĩa	9,0	9,0	8,0	6,0		6,0	6,5	7,1	7.0			Học khá
16	Lê Bảo Ngọc	7,0	8,0	8,0	8,0		6,5	6,5	7,1	7.3			Học khá
17	Quách Thị Bảo Ngọc	10,0	8,0	9,0	8,0		5,5	6,0	7,1	7.2			Học khá
18	Phan Nguyễn Kim Ngọc	7,0	8,0	8,0	8,0		7,0	7,0	7,3	7.3			Học khá
19	Nguyễn Thị Yến Nhi	8,0	9,0	7,0	9,0		5,5	5,0	6,6	6.6			Học khá
20	Võ Thị Huỳnh Như	10,0	10,0	8,0	9,0		7,0	7,0	8,0	8.0			Học khá
21	Nguyễn Hoàng An Nhựt	7,0	9,0	7,0	7,0		4,5	5,0	6,0	6.3			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
22	Nguyễn Thành Phát	7,0	2,0	2,0	5,0		4,5	5,5	4,6	5.2			Cần cố gắng hơn
23	Trần Tiến Phát	9,0	9,0	8,0	6,0		4,5	5,0	6,2	6.3			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
24	Nguyễn Hoàng Phúc	7,0	2,0	4,0	7,0		5,0	6,0	5,3	5.8			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
25	Mai Thanh Phương	7,0	4,0	2,0	6,0		5,0	5,0	4,9	5.4			Cần cố gắng hơn
26	Lê Thanh Quy	10,0	10,0	8,0	9,0		7,0	6,5	7,8	7.5			Học khá
27	Hồ Thị Hồng Quyền	7,0	8,0	8,0	8,0		4,0	5,5	6,2	6.5			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
28	Huỳnh Thị Thúy Quyền	8,0	8,0	8,0	8,0		6,0	5,5	6,7	7.0			Học khá
29	Nguyễn Phan Nhã Quỳnh	10,0	10,0	8,0	7,0		7,0	6,0	7,4	7.4			Học khá
30	Nguyễn Quốc Thái	10,0	9,0	8,0	9,0		6,5	5,0	7,1	7.0			Học khá
31	Nguyễn Đạt Thành	10,0	10,0	8,0	9,0		6,0	5,5	7,3	7.0			Học khá
32	Vân Thị Hồng Thắm	8,0	8,0	9,0	8,0		5,0	6,0	6,8	6.7			Học khá
33	Tô Nguyễn Hữu Thoai	7,0	8,0	7,0	7,0		5,0	5,0	6,0	6.0			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
34	La Hoàng Anh Thư	7,0	6,0	9,0	8,0		6,0	6,5	6,8	6.9			Học khá
35	Trần Phạm Phương Trang	9,0	8,0	8,0	8,0		4,5	4,5	6,2	6.3			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
36	Thái Thị Bích Trâm	10,0	10,0	8,0	8,0		6,5	6,5	7,6	7.3			Học khá
37	Nguyễn Võ Ngọc Trân									7.7			
38	Nguyễn Minh Trí	9,0	4,0	7,0	7,0		5,5	5,5	6,1	6.1			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
39	Nguyễn Thành Trí	9,0	9,0	8,0	8,0		5,5	5,0	6,7	6.7			Học khá
40	Nguyễn Đặng Thiên Trí	6,0	2,0	7,0	7,0		4,5	5,5	5,3	5.6			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
41	Nguyễn Thị Huyền Trinh	7,0	6,0	5,0	9,0		4,5	5,0	5,7	6.2			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
42	Huỳnh Ngọc Hữu Trọng	10,0	9,0	8,0	8,0		5,0	6,0	7,0	6.9			Học khá
43	Lê Thị Cẩm Tú	7,0	8,0	8,0	8,0		6,0	7,0	7,1	7.2			Học khá
44	Nguyễn Hoàng Tuấn	6,0	2,0	7,0	8,0		4,5	5,5	5,4	5.7			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Vân

HỌC KỲ II Lịch sử (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Hồ Gia Bảo	8,0	8,0	10,0			7,0	6,8	7,6	7.9			Học khá
2	Nguyễn Huy Quốc Bảo	8,0	8,0	7,0			8,0	8,0	7,9	8.0			Học khá
3	Nguyễn Thành Danh	7,0	8,0	10,0			7,5	9,3	8,5	8.5			Học tốt, chăm ngoan
4	Đỗ Thành Đạt	7,0	8,0	10,0			8,5	9,0	8,6	8.4			Học tốt, chăm ngoan
5	Nguyễn Đăng Anh Hào	7,0	6,0	8,0			3,8	10,0	7,3	6.5			Học khá
6	Cao Nhã Hân	8,0	10,0	10,0			8,8	8,5	8,9	8.9			Học tốt, chăm ngoan
7	Võ Công Hậu	7,0	10,0	10,0			7,8	9,0	8,7	8.3			Học tốt, chăm ngoan
8	Lâm Hoàng Gia Huy	9,0	8,0	9,0			8,8	7,5	8,3	8.3			Học tốt, chăm ngoan
9	Phạm Ngọc Thu Hương	8,0	10,0	10,0			7,8	8,8	8,8	8.7			Học tốt, chăm ngoan
10	Võ Hoàng Khang	7,0	8,0	10,0			6,8	9,0	8,2	8.3			Học tốt, chăm ngoan
11	Nguyễn Hữu Khang	7,0	9,0	9,0			5,5	4,5	6,2	6.4			Cần cố gắng hơn
12	Phan Tuấn Khang	8,0	10,0	10,0			7,8	10,0	9,2	9.1			Học tốt, chăm ngoan
13	Trần Thị Quỳnh Mai	9,0	10,0	10,0			9,3	9,8	9,6	9.4			Học tốt, chăm ngoan
14	Nguyễn Ngọc Kim Ngân									6.6			
15	Nguyễn Thành Nghĩa	7,0	7,0	8,0			4,8	8,5	7,1	7.4			Học khá
16	Lê Bảo Ngọc	8,0	9,0	9,0			6,8	7,5	7,8	8.1			Học khá
17	Quách Thị Bảo Ngọc	8,0	10,0	10,0			8,0	8,3	8,6	8.6			Học tốt, chăm ngoan
18	Phan Nguyễn Kim Ngọc	7,0	8,0	10,0			6,8	6,5	7,3	7.5			Học khá
19	Nguyễn Thị Yến Nhi	8,0	10,0	10,0			7,8	8,3	8,6	8.4			Học tốt, chăm ngoan
20	Võ Thị Huỳnh Như	9,0	10,0	9,0			8,8	10,0	9,5	9.4			Học tốt, chăm ngoan
21	Nguyễn Hoàng An Nhựt	8,0	9,0	7,0			8,3	9,3	8,6	8.6			Học tốt, chăm ngoan
22	Nguyễn Thành Phát	7,0	8,0	10,0			6,5	9,3	8,2	8.0			Học tốt, chăm ngoan
23	Trần Tiến Phát	9,0	8,0	9,0			8,3	9,8	9,0	8.6			Học tốt, chăm ngoan
24	Nguyễn Hoàng Phúc	8,0	7,0	10,0			7,5	7,0	7,6	7.5			Học khá
25	Mai Thanh Phương	7,0	5,0	9,0			4,0	7,5	6,4	6.1			Cần cố gắng hơn
26	Lê Thanh Quy	7,0	8,0	8,0			7,8	9,8	8,5	8.6			Học tốt, chăm ngoan
27	Hồ Thị Hồng Quyền	7,0	10,0	9,0			7,3	9,5	8,6	8.9			Học tốt, chăm ngoan
28	Huỳnh Thị Thúy Quyền	8,0	10,0	10,0			7,5	9,8	9,1	8.7			Học tốt, chăm ngoan
29	Nguyễn Phan Nhã Quỳnh	9,0	8,0	9,0			8,8	9,5	9,0	8.9			Học tốt, chăm ngoan
30	Nguyễn Quốc Thái	7,0	8,0	8,0			5,8	6,8	6,9	7.2			Cần cố gắng hơn
31	Nguyễn Đạt Thành	7,0	8,0	7,0			5,0	8,0	7,0	7.3			Học khá
32	Vân Thị Hồng Thắm	9,0	10,0	10,0			8,0	9,5	9,2	8.9			Học tốt, chăm ngoan
33	Tô Nguyễn Hữu Thoại	7,0	9,0	9,0			6,8	5,8	7,0	7.5			Học khá
34	La Hoàng Anh Thư	9,0	8,0	10,0			9,3	10,0	9,5	9.1			Học tốt, chăm ngoan
35	Trần Phạm Phương Trang	9,0	10,0	10,0			9,0	8,0	8,9	9.0			Học tốt, chăm ngoan
36	Thái Thị Bích Trâm	9,0	10,0	10,0			8,0	9,0	9,0	8.8			Học tốt, chăm ngoan
37	Nguyễn Võ Ngọc Trân									7.3			
38	Nguyễn Minh Trí	7,0	8,0	8,0			7,0	6,8	7,2	7.2			Học khá
39	Nguyễn Thành Trí	7,0	9,0	8,0			7,3	9,0	8,2	8.3			Học tốt, chăm ngoan
40	Nguyễn Đặng Thiên Trí	7,0	8,0	8,0			7,3	8,3	7,8	7.4			Học khá
41	Nguyễn Thị Huyền Trinh	8,0	8,0	9,0			7,5	9,8	8,7	8.7			Học tốt, chăm ngoan
42	Huỳnh Ngọc Hữu Trọng	9,0	8,0	9,0			8,3	8,8	8,6	8.3			Học tốt, chăm ngoan
43	Lê Thị Cẩm Tú	9,0	10,0	10,0			9,3	9,8	9,6	9.4			Học tốt, chăm ngoan
44	Nguyễn Hoàng Tuấn	8,0	9,0	9,0			2,3	6,5	6,3	6.2			Cần cố gắng hơn

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Ngọc Diệu

HỌC KỲ II Ngoại ngữ 1 (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Hồ Gia Bảo	8,0	3,5	7,0	8,0		6,3	7,0	6,7	6.9			Học khá tốt
2	Nguyễn Huy Quốc Bảo	8,0	5,0	5,0	6,0		7,5	6,6	6,5	6.7			Học khá tốt
3	Nguyễn Thành Danh	5,0	4,0	9,0	8,0		3,5	8,2	6,4	6.8			Có cố gắng
4	Đỗ Thành Đạt	7,0	2,0	8,0	6,0		5,8	5,2	5,6	6.3			Có cố gắng
5	Nguyễn Đăng Anh Hào	8,0	4,0	5,0	5,0		4,8	6,2	5,6	5.4			Có cố gắng
6	Cao Nhã Hân	9,0	5,5	6,0	6,0		5,0	5,0	5,7	6.4			Có cố gắng
7	Võ Công Hậu	8,0	4,0	8,0	6,0		6,8	5,0	6,1	6.6			Có cố gắng
8	Lâm Hoàng Gia Huy	7,0	10,0	9,0	9,0		5,8	6,4	7,3	7.4			Học khá tốt
9	Phạm Ngọc Thu Hương	9,0	9,0	7,5	6,0		6,8	7,6	7,5	7.8			Học khá tốt
10	Võ Hoàng Khang	8,0	2,5	7,5	6,0		7,8	8,2	7,1	7.0			Học khá tốt
11	Nguyễn Hữu Khang	8,0	5,0	4,0	6,0		6,0	6,2	6,0	6.0			Có cố gắng
12	Phan Tuấn Khang	9,0	9,0	9,0	8,0		6,0	9,8	8,5	8.4			Học giỏi, chăm ngoan
13	Trần Thị Quỳnh Mai	9,0	9,0	9,0	9,0		8,8	8,8	8,9	8.6			Học giỏi, chăm ngoan
14	Nguyễn Ngọc Kim Ngân									6.4			
15	Nguyễn Thành Nghĩa	8,0	3,5	9,0	8,0		8,3	7,2	7,4	7.2			Học khá tốt
16	Lê Bảo Ngọc	9,0	5,5	8,0	8,0		5,5	7,8	7,2	7.0			Học khá tốt
17	Quách Thị Bảo Ngọc	8,0	5,0	7,0	8,0		7,8	7,6	7,4	7.7			Học khá tốt
18	Phan Nguyễn Kim Ngọc	9,0	6,5	7,0	9,0		3,5	7,2	6,7	6.6			Học khá tốt
19	Nguyễn Thị Yến Nhi	9,0	4,0	9,0	8,0		7,3	6,0	7,0	7.2			Học khá tốt
20	Võ Thị Huỳnh Như	9,0	8,5	9,0	9,0		9,5	8,8	9,0	8.7			Học giỏi, chăm ngoan
21	Nguyễn Hoàng An Nhựt	7,0	8,5	6,5	7,0		7,0	7,6	7,3	7.2			Học khá tốt
22	Nguyễn Thành Phát	9,0	4,5	8,0	7,0		6,8	9,0	7,7	7.2			Học khá tốt
23	Trần Tiến Phát	8,0	2,5	5,0	7,0		4,5	6,0	5,5	6.2			Có cố gắng
24	Nguyễn Hoàng Phúc	8,0	7,0	8,0	7,0		4,5	7,4	6,8	6.5			Học khá tốt
25	Mai Thanh Phương	7,0	1,0	6,0	7,0		6,0	6,0	5,7	6.2			Có cố gắng
26	Lê Thanh Quy	9,0	5,0	8,0	8,0		6,3	6,8	7,0	7.1			Học khá tốt
27	Hồ Thị Hồng Quyền	9,0	7,0	9,0	9,0		8,0	9,4	8,7	8.5			Học giỏi, chăm ngoan
28	Huỳnh Thị Thúy Quyền	9,0	5,5	7,0	8,0		7,0	8,2	7,6	7.5			Học khá tốt
29	Nguyễn Phan Nhã Quỳnh	9,0	6,0	9,0	9,0		7,3	8,6	8,2	7.7			Học giỏi, chăm ngoan
30	Nguyễn Quốc Thái	9,0	2,5	9,0	8,0		7,3	9,0	7,8	7.5			Học khá tốt
31	Nguyễn Đạt Thành	9,0	4,5	8,0	7,0		5,8	8,0	7,1	6.9			Học khá tốt
32	Vân Thị Hồng Thắm	9,0	5,5	9,0	9,0		7,0	8,4	8,0	7.8			Học giỏi, chăm ngoan
33	Tô Nguyễn Hữu Thoại	8,0	4,5	7,0	7,0		4,8	6,8	6,3	6.4			Có cố gắng
34	La Hoàng Anh Thư	9,0	7,0	9,0	7,0		9,0	9,0	8,6	8.3			Học giỏi, chăm ngoan
35	Trần Phạm Phương Trang	8,0	2,5	5,0	7,0		7,5	6,2	6,2	6.7			Có cố gắng
36	Thái Thị Bích Trâm	8,0	6,5	8,0	7,0		7,0	7,8	7,4	7.6			Học khá tốt
37	Nguyễn Võ Ngọc Trân	9,0								6.6			
38	Nguyễn Minh Trí	9,0	2,5	7,0	6,0		6,8	5,2	6,0	5.9			Có cố gắng
39	Nguyễn Thành Trí	8,0	5,0	1,0	6,0		6,8	8,4	6,5	6.8			Học khá tốt
40	Nguyễn Đặng Thiên Trí	9,0	7,0	8,0	8,0		7,3	5,4	7,0	7.1			Học khá tốt
41	Nguyễn Thị Huyền Trinh	9,0	9,0	9,0	8,0		5,8	9,0	8,2	7.7			Học giỏi, chăm ngoan
42	Huỳnh Ngọc Hữu Trọng	9,0	4,0	8,0	7,0		6,8	7,2	7,0	6.9			Học khá tốt
43	Lê Thị Cẩm Tú	8,0	4,0	5,0	7,0		6,0	8,6	6,9	7.3			Học khá tốt
44	Nguyễn Hoàng Tuấn	8,0	1,5	1,0	6,0		5,3	5,8	4,9	5.1			Cần cố gắng nhiều hơn

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Hồng Thủy

Giáo Dục Quốc Phòng

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

trang 39/48

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

trang 40/48

Giáo dục thể chất

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Hồng Hải

Giáo dục địa phương														HỌC KỲ II														(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)													
STT	Họ và tên	Mức đánh giá												Ghi Chú																											
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)																																							
		Thường Xuyên						Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại																													
												Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)		Học kỳ	Cuối năm																										
1	Hồ Gia Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
2	Nguyễn Huy Quốc Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
3	Nguyễn Thành Danh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
4	Đỗ Thành Đạt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
5	Nguyễn Đăng Anh Hào	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
6	Cao Nhã Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
7	Võ Công Hậu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
8	Lâm Hoàng Gia Huy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
9	Phạm Ngọc Thu Hương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
10	Võ Hoàng Khang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
11	Nguyễn Hữu Khang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
12	Phan Tuấn Khang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
13	Trần Thị Quỳnh Mai	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
14	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
15	Nguyễn Thành Nghĩa	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
16	Lê Bảo Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
17	Quách Thị Bảo Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
18	Phan Nguyễn Kim Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
19	Nguyễn Thị Yến Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
20	Võ Thị Huỳnh Như	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
21	Nguyễn Hoàng An Nhựt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
22	Nguyễn Thành Phát	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
23	Trần Tiến Phát	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
24	Nguyễn Hoàng Phúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
25	Mai Thanh Phương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
26	Lê Thanh Quy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
27	Hồ Thị Hồng Quyền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
28	Huỳnh Thị Thúy Quyền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
29	Nguyễn Phan Nhã Quỳnh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
30	Nguyễn Quốc Thái	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
31	Nguyễn Đạt Thành	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
32	Vân Thị Hồng Thắm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
33	Tô Nguyễn Hữu Thoại	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
34	La Hoàng Anh Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
35	Trần Phạm Phương Trang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
36	Thái Thị Bích Trâm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
37	Nguyễn Võ Ngọc Trân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
38	Nguyễn Minh Trí	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
39	Nguyễn Thành Trí	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
40	Nguyễn Đặng Thiên Trí	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
41	Nguyễn Thị Huyền Trinh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
42	Huỳnh Ngọc Hữu Trọng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
43	Lê Thị Cẩm Tú	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											
44	Nguyễn Hoàng Tuấn	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ																											

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Xuân Trường, Phạm Thị Ngọc Diệu

HĐTrN-HN														HỌC KỲ II													
														(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)													
STT	Họ và tên	Mức đánh giá												Ghi Chú													
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)																									
		Thường Xuyên						Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại															
												Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)															
												Học kỳ	Cuối năm														
1	Hồ Gia Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
2	Nguyễn Huy Quốc Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
3	Nguyễn Thành Danh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
4	Đỗ Thành Đạt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
5	Nguyễn Đăng Anh Hào	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
6	Cao Nhã Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
7	Võ Công Hậu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
8	Lâm Hoàng Gia Huy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
9	Phạm Ngọc Thu Hương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
10	Võ Hoàng Khang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
11	Nguyễn Hữu Khang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
12	Phan Tuấn Khang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
13	Trần Thị Quỳnh Mai	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
14	Nguyễn Ngọc Kim Ngân																										
15	Nguyễn Thành Nghĩa	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
16	Lê Bảo Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
17	Quách Thị Bảo Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
18	Phan Nguyễn Kim Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
19	Nguyễn Thị Yến Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
20	Võ Thị Huỳnh Như	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
21	Nguyễn Hoàng An Nhựt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
22	Nguyễn Thành Phát	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
23	Trần Tiến Phát	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
24	Nguyễn Hoàng Phúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
25	Mai Thanh Phương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
26	Lê Thanh Quy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
27	Hồ Thị Hồng Quyền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
28	Huỳnh Thị Thúy Quyền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
29	Nguyễn Phan Nhã Quỳnh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
30	Nguyễn Quốc Thái	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
31	Nguyễn Đạt Thành	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
32	Vân Thị Hồng Thắm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
33	Tô Nguyễn Hữu Thoại	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
34	La Hoàng Anh Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
35	Trần Phạm Phương Trang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
36	Thái Thị Bích Trâm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
37	Nguyễn Võ Ngọc Trân																										
38	Nguyễn Minh Trí	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
39	Nguyễn Thành Trí	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
40	Nguyễn Đặng Thiên Trí	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
41	Nguyễn Thị Huyền Trinh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
42	Huỳnh Ngọc Hữu Trọng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
43	Lê Thị Cẩm Tú	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
44	Nguyễn Hoàng Tuấn	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Trường An

TỔNG HỢP HỌC KỲ II

Số T T	Họ và tên	Môn học đánh giá bằng nhận xét			Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số									Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
		Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	HDTrN- HN	Toán	Vật lý	Hóa học	Tin học	Ngữ văn	Lịch sử	Ngoại ngữ 1	Giáo Dục Quốc Phòng	Thiết kế và Công nghệ		
1	Hồ Gia Bảo	Đ	Đ	Đ	6,6	8,2	8,6	8,2	7,3	7,6	6,7	7,9	8,7	K	T
2	Nguyễn Huy Quốc Bảo	Đ	Đ	Đ	7,8	8,1	8,9	8,1	6,4	7,9	6,5	7,1	8,6	K	T
3	Nguyễn Thành Danh	Đ	Đ	Đ	6,5	7,7	8,9	7,8	6,7	8,5	6,4	6,6	8,5	K	T
4	Đỗ Thành Đạt	Đ	Đ	Đ	7,6	8,1	8,6	8,1	5,9	8,6	5,6	8,0	8,4	K	T
5	Nguyễn Đăng Anh Hào	Đ	Đ	Đ	5,9	6,7	5,9	7,9	4,1	7,3	5,6	7,6	8,5	Đ	T
6	Cao Nhã Hân	Đ	Đ	Đ	8,0	7,5	7,4	8,4	6,2	8,9	5,7	7,0	8,8	K	T
7	Võ Công Hậu	Đ	Đ	Đ	8,5	7,0	7,2	8,0	6,6	8,7	6,1	7,4	8,5	K	T
8	Lâm Hoàng Gia Huy	Đ	Đ	Đ	8,0	7,1	8,7	8,0	4,4	8,3	7,3	7,4	8,6	Đ	T
9	Phạm Ngọc Thu Hương	Đ	Đ	Đ	8,2	8,2	8,3	8,4	7,5	8,8	7,5	7,1	8,5	T	T
10	Võ Hoàng Khang	Đ	Đ	Đ	6,8	8,1	9,1	8,5	7,5	8,2	7,1	8,0	8,6	T	T
11	Nguyễn Hữu Khang	Đ	Đ	Đ	4,4	7,1	6,8	7,1	6,3	6,2	6,0	6,7	8,8	Đ	T
12	Phan Tuấn Khang	Đ	Đ	Đ	8,7	8,6	9,3	8,5	6,9	9,2	8,5	8,9	8,9	T	T
13	Trần Thị Quỳnh Mai	Đ	Đ	Đ	8,4	8,3	8,9	8,8	7,9	9,6	8,9	7,1	8,8	T	T
14	Nguyễn Ngọc Kim Ngân														
15	Nguyễn Thành Nghĩa	Đ	Đ	Đ	6,9	7,2	8,3	7,7	7,1	7,1	7,4	8,4	8,6	K	T
16	Lê Bảo Ngọc	Đ	Đ	Đ	6,6	9,2	9,2	8,2	7,1	7,8	7,2	7,7	9,4	K	T
17	Quách Thị Bảo Ngọc	Đ	Đ	Đ	8,3	8,2	8,8	8,4	7,1	8,6	7,4	7,0	8,7	T	T
18	Phan Nguyễn Kim Ngọc	Đ	Đ	Đ	6,0	8,5	8,1	8,1	7,3	7,3	6,7	6,6	9,0	K	T
19	Nguyễn Thị Yến Nhi	Đ	Đ	Đ	8,1	7,6	9,9	8,3	6,6	8,6	7,0	7,3	8,5	K	T
20	Võ Thị Huỳnh Như	Đ	Đ	Đ	8,8	9,7	9,9	9,0	8,0	9,5	9,0	7,1	9,4	T	T
21	Nguyễn Hoàng An Nhựt	Đ	Đ	Đ	8,6	8,0	8,9	8,3	6,0	8,6	7,3	6,9	8,5	K	T
22	Nguyễn Thành Phát	Đ	Đ	Đ	7,8	7,3	9,2	8,3	4,6	8,2	7,7	6,9	8,6	Đ	T
23	Trần Tiến Phát	Đ	Đ	Đ	8,0	8,1	8,2	7,9	6,2	9,0	5,5	8,1	8,3	K	T
24	Nguyễn Hoàng Phúc	Đ	Đ	Đ	6,6	6,6	6,1	7,7	5,3	7,6	6,8	7,6	8,7	K	T
25	Mai Thanh Phương	Đ	Đ	Đ	7,8	7,5	8,0	7,6	4,9	6,4	5,7	6,7	8,3	Đ	T
26	Lê Thanh Quy	Đ	Đ	Đ	7,3	7,2	9,0	8,1	7,8	8,5	7,0	7,9	8,5	K	T
27	Hồ Thị Hồng Quyên	Đ	Đ	Đ	8,4	8,2	8,8	8,6	6,2	8,6	8,7	7,3	8,7	K	T
28	Huỳnh Thị Thúy Quyên	Đ	Đ	Đ	7,4	8,6	7,9	8,1	6,7	9,1	7,6	7,4	8,4	K	T
29	Nguyễn Phan Nhã Quỳnh	Đ	Đ	Đ	8,5	8,2	9,8	8,8	7,4	9,0	8,2	7,6	8,5	T	T
30	Nguyễn Quốc Thái	Đ	Đ	Đ	7,8	7,9	8,8	8,6	7,1	6,9	7,8	8,1	8,8	K	T
31	Nguyễn Đạt Thành	Đ	Đ	Đ	7,9	7,7	8,3	8,6	7,3	7,0	7,1	8,6	8,7	K	T
32	Văn Thị Hồng Thắm	Đ	Đ	Đ	7,9	8,9	8,6	8,1	6,8	9,2	8,0	7,9	8,5	T	T
33	Tô Nguyễn Hữu Thoại	Đ	Đ	Đ	6,8	6,8	8,2	7,6	6,0	7,0	6,3	8,3	8,5	K	T
34	La Hoàng Anh Thư	Đ	Đ	Đ	8,0	8,6	8,3	8,5	6,8	9,5	8,6	7,7	8,7	T	T
35	Trần Phạm Phương Trang	Đ	Đ	Đ	8,4	8,2	7,8	8,4	6,2	8,9	6,2	7,6	8,8	K	T
36	Thái Thị Bích Trâm	Đ	Đ	Đ	8,7	8,3	8,7	8,2	7,6	9,0	7,4	7,6	8,4	T	T
37	Nguyễn Võ Ngọc Trân														
38	Nguyễn Minh Trí	Đ	Đ	Đ	6,0	7,6	6,1	7,7	6,1	7,2	6,0	6,7	8,7	Đ	T
39	Nguyễn Thành Trí	Đ	Đ	Đ	6,6	8,2	9,2	8,4	6,7	8,2	6,5	7,0	8,5	K	T
40	Nguyễn Đặng Thiên Trí	Đ	Đ	Đ	7,7	8,0	8,3	7,5	5,3	7,8	7,0	6,3	8,6	K	T
41	Nguyễn Thị Huyền Trinh	Đ	Đ	Đ	7,2	8,2	7,8	8,8	5,7	8,7	8,2	7,4	8,4	K	T
42	Huỳnh Ngọc Hữu Trọng	Đ	Đ	Đ	7,7	8,3	7,9	8,1	7,0	8,6	7,0	8,6	8,6	K	T
43	Lê Thị Cẩm Tú	Đ	Đ	Đ	8,2	8,5	8,7	7,9	7,1	9,6	6,9	7,1	8,7	K	T
44	Nguyễn Hoàng Tuấn	Đ	Đ	Đ	5,6	6,8	6,3	7,5	5,4	6,3	4,9	6,6	8,1	Đ	T

Giáo viên chủ nhiệm
Ký và ghi rõ họ tên

Nguyễn Trường An

PHẦN GHI KẾT QUẢ

CUỐI NĂM HỌC

TỔNG HỢP CẢ NĂM HỌC

Số TT	Họ và tên	Mức đánh giá		Mức đánh giá sau khi rèn luyện trong kì nghỉ hè; kiểm tra, đánh giá lại		Tổng số buổi nghỉ học	Được lên lớp	Không được lên lớp	Khen thưởng	Tổng hợp chung
		Kết quả rèn luyện	Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện	Kết quả học tập					
1	Hồ Gia Bảo	T	K				Lên lớp			Tổng số học sinh: 42 - Được lên lớp: 42 trong đó 0 học sinh Được lên lớp sau khi học tập, rèn luyện thêm trong hè.
2	Nguyễn Huy Quốc Bảo	T	K			9	Lên lớp			
3	Nguyễn Thành Danh	T	K			13	Lên lớp			
4	Đỗ Thành Đạt	T	K				Lên lớp			
5	Nguyễn Đăng Anh Hào	T	Đ			5	Lên lớp			
6	Cao Nhã Hân	T	K			3	Lên lớp			
7	Võ Công Hậu	T	K			1	Lên lớp			
8	Lâm Hoàng Gia Huy	T	K			6	Lên lớp			
9	Phạm Ngọc Thu Hương	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
10	Võ Hoàng Khang	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
11	Nguyễn Hữu Khang	T	K				Lên lớp			- Không được lên lớp: 0 Giáo viên chủ nhiệm <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i> Nguyễn Trường An Hiệu trưởng <i>(Ký tên, đóng dấu)</i> Nguyễn Minh Triều
12	Phan Tuấn Khang	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
13	Trần Thị Quỳnh Mai	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
14	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	T	-				-		-	
15	Nguyễn Thành Nghĩa	T	K				Lên lớp			
16	Lê Bảo Ngọc	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
17	Quách Thị Bảo Ngọc	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
18	Phan Nguyễn Kim Ngọc	T	K				Lên lớp			
19	Nguyễn Thị Yến Nhi	T	K				Lên lớp			
20	Võ Thị Huỳnh Như	T	T				Lên lớp		Học sinh Xuất sắc	
21	Nguyễn Hoàng An Nhựt	T	K			1	Lên lớp			
22	Nguyễn Thành Phát	T	K				Lên lớp			
23	Trần Tiến Phát	T	K				Lên lớp			
24	Nguyễn Hoàng Phúc	T	K				Lên lớp			
25	Mai Thanh Phương	T	K			1	Lên lớp			
26	Lê Thanh Quy	T	K				Lên lớp			
27	Hồ Thị Hồng Quyên	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
28	Huỳnh Thị Thủy Quyên	T	K				Lên lớp			
29	Nguyễn Phan Nhã Quỳnh	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
30	Nguyễn Quốc Thái	T	K				Lên lớp			
31	Nguyễn Đạt Thành	T	K				Lên lớp			
32	Văn Thị Hồng Thẩm	T	K				Lên lớp			
33	Tô Nguyễn Hữu Thoại	T	K				Lên lớp			
34	La Hoàng Anh Thư	T	T			1	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
35	Trần Phạm Phương Trang	T	K				Lên lớp			
36	Thái Thị Bích Trâm	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
37	Nguyễn Võ Ngọc Trân	T	-				-		-	
38	Nguyễn Minh Trí	T	Đ				Lên lớp			
39	Nguyễn Thành Trí	T	K				Lên lớp			
40	Nguyễn Đặng Thiên Trí	T	K				Lên lớp			
41	Nguyễn Thị Huyền Trinh	T	K			2	Lên lớp			
42	Huỳnh Ngọc Hữu Trọng	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
43	Lê Thị Cẩm Tú	T	K				Lên lớp			
44	Nguyễn Hoàng Tuấn	T	Đ				Lên lớp			

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG
VỀ SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu
Tháng 9	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 10	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 11	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 12	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 1	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG VỀ
SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu
Tháng 2	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 3	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 4	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 5	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều